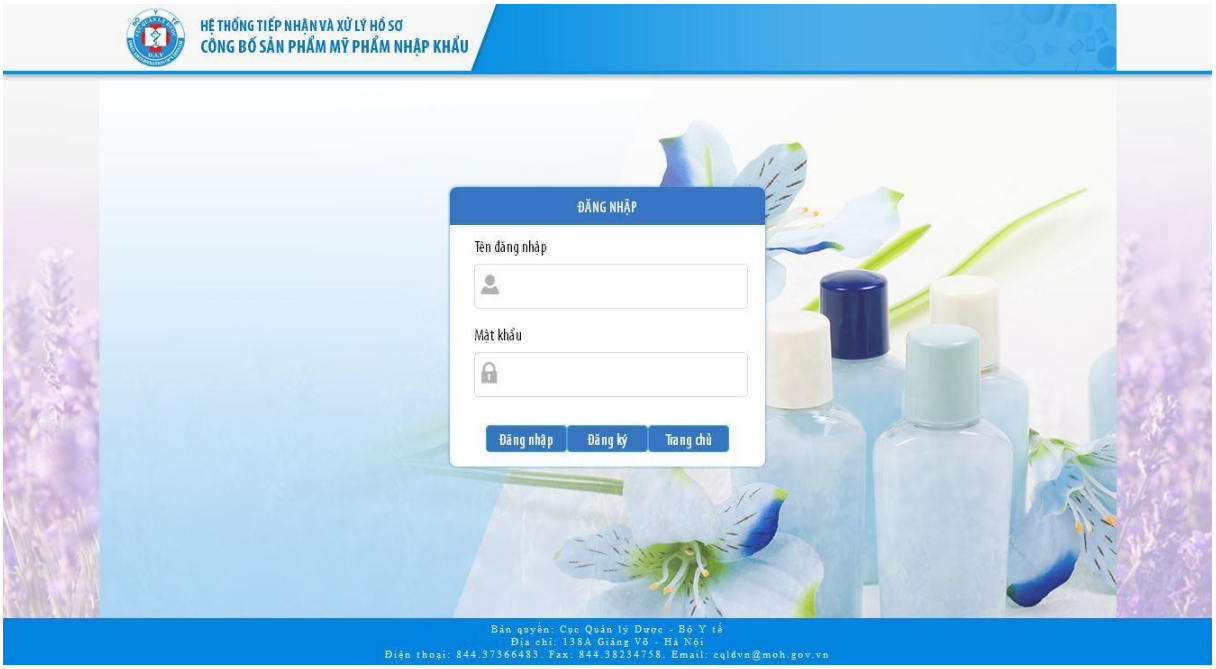
1. 기업용 회원가입 절차

1.1. 기업용 회원가입 절차

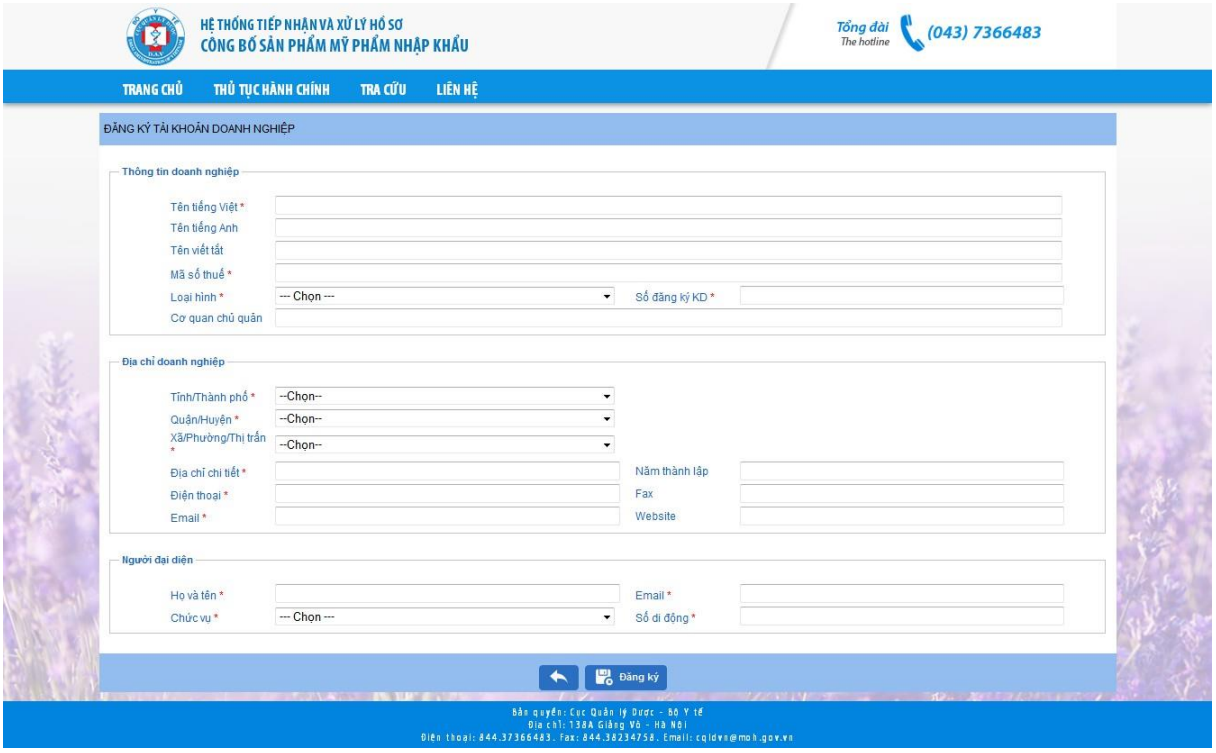
화장품을 등록하고자 하는 기업들은 화장품 등록 웹사이트 (http://www.congbomypham.cqldvn.gov.vn/Pages/login.zul)에 회원가입을 해야 한다. 웹사이트의 화면은 아래와 같다.



이는 수입화장품에 대한 등록절차의 첫 번째 과정이다. 회원가입은 각 기업 당 1 회만 가능하며 가입된 계정으로만 로그인할 수 있다.

- **1 단계: 메인 화**면에서 

를 클릭한다.

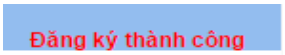


- **2 단계: 기업용 회원가입** 화면에서 기업정보를 입력한다.

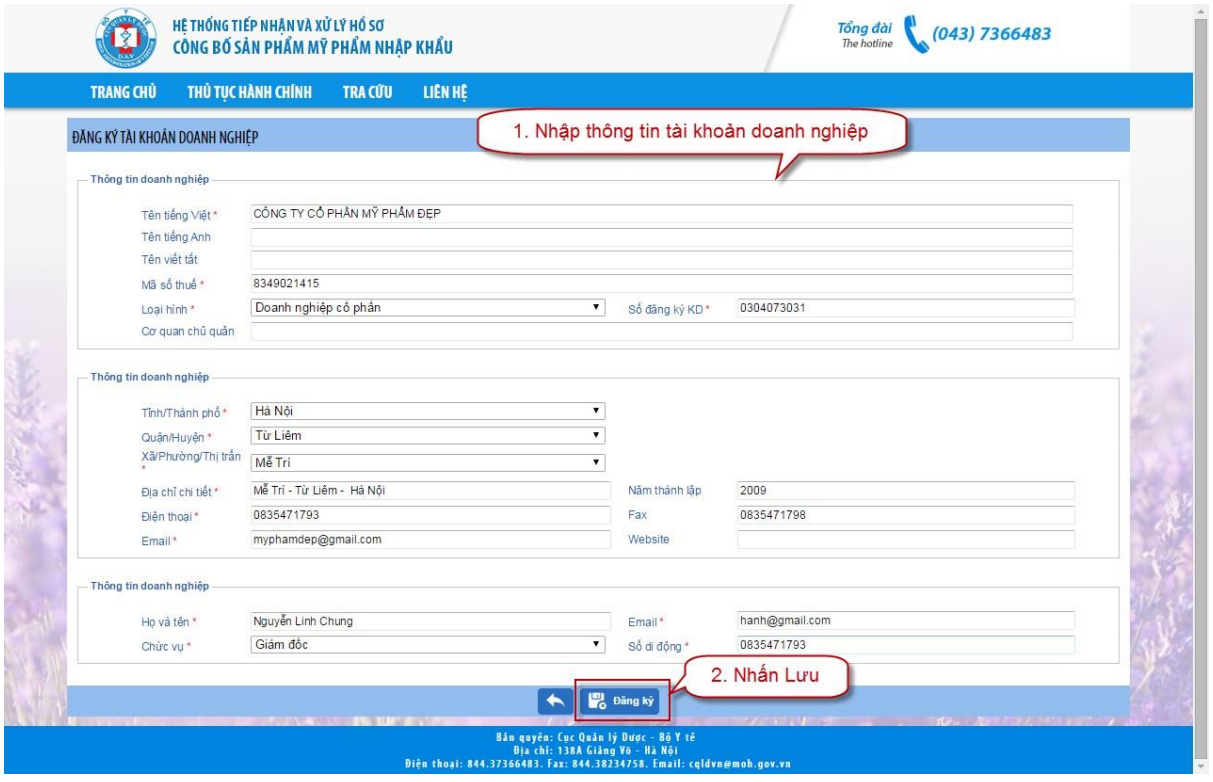
주의: *(*)항목들은 필수항목이다.*

- **3 단계:** 

를 클릭하여 입력된 정보를 저장한다.

모든 정보가 입력되면 회원가입 완료의 알림창 

이 나타난다.



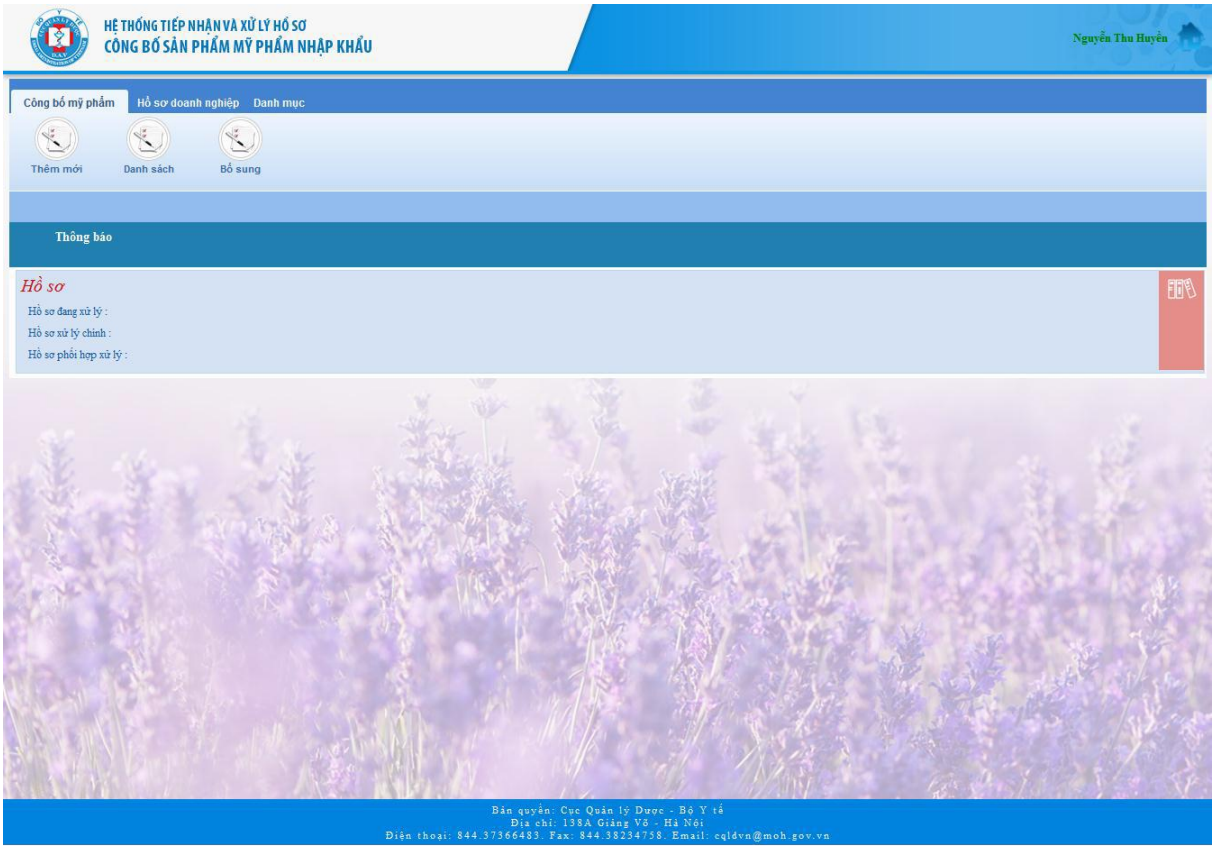
1.2. 웹사이트에 로그인

- 회원가입 후, 약품관리국 웹사이트 관리자가 기업정보를 심사하여 승인한다.
- 계정이 성공적으로 등록될 경우 해당 기업은 로그인 ID 와 비밀번호를 이메일을 통해 받게 되며 등록된 계정으로 웹사이트에 로그인할 수 있다.

- **1 단계:** 링크 http://www.congbomypham.cqldvn.gov.vn/Pages/login.zul 를 통해 로그인 한다. **메인 화**면에서 ĐĂNG NHẬP 을 클릭하면 ID 와 비밀번호를 입력하는 창이 나타난다.
- **2 단계:** 로그인 ID (기업의 세금코드)와 비밀번호를 입력한다. **"로그인-Đăng nhập"** 을 클릭한다.



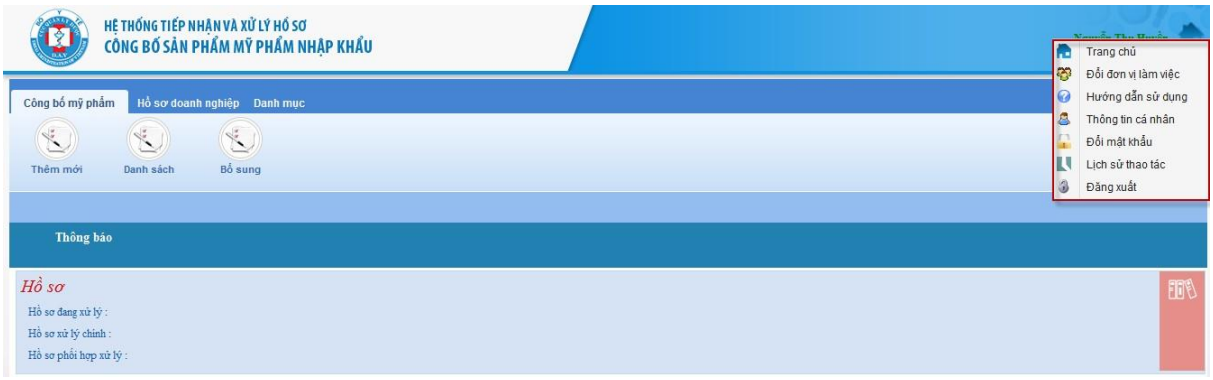
로그인 후 화면은 아래와 같다:



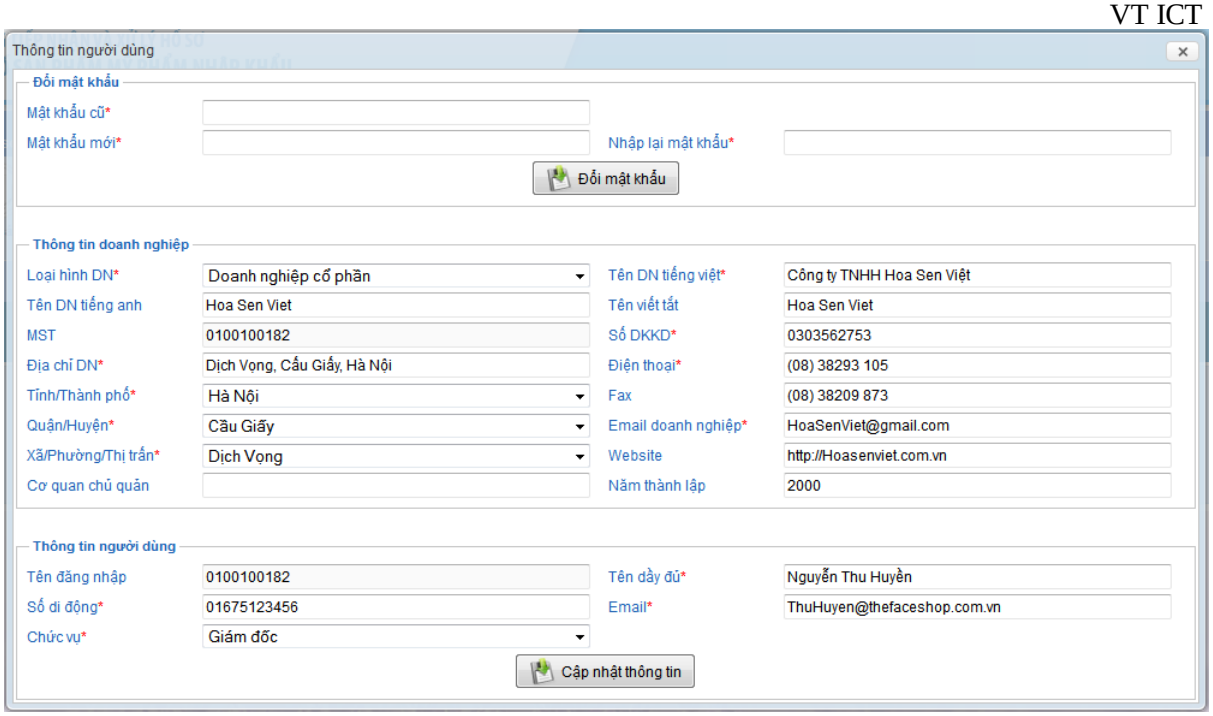
1.3. 회원정보관리

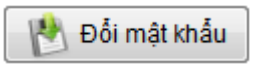
** 비밀번호 변경 및 회원정보 수정

화장품 등록 웹사이트에 로그인하여 ID 를 클릭한다.



“내정보-Thông tin cá nhân”를 선택하면 다음과 같은 화면이 나타난다:

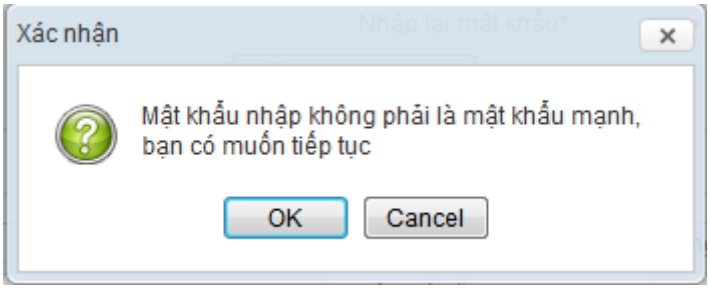


- 비밀번호를 변경하고 싶으면 비밀번호 변경 항목에 새로운 비밀번호를 입력한 후 

를 클릭한다.

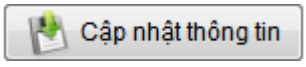
주의:

+ **새로운 비밀번호**는 안전한 비밀번호 (최소 8 자, 영문대소문자, 숫자 및 특수문자)가 아닐 경우 아래와 같은 알림 창이 나타난다:



OK 를 클릭하면 비밀번호 변경이 완료된다.

+ **새로운 비밀번호**와 **새로운 비밀번호 확인**은 입력된 내용이 동일할 경우에만 성공적으로 변경된다.

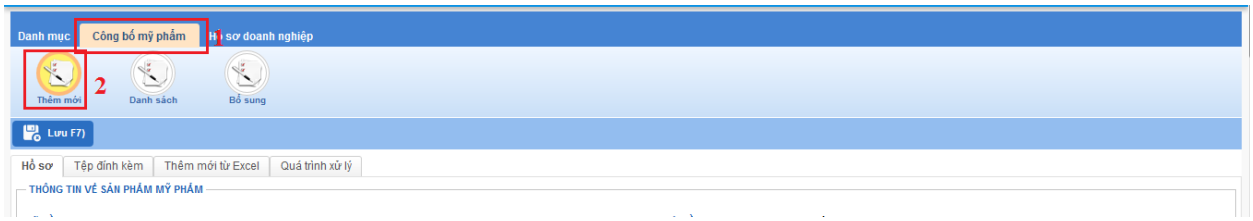
- **회원정보**를 수정하고 싶으면 기업정보항목에 수정할 내용을 입력한 후 

를 클릭하면 수정완료 알림창이 나타난다.

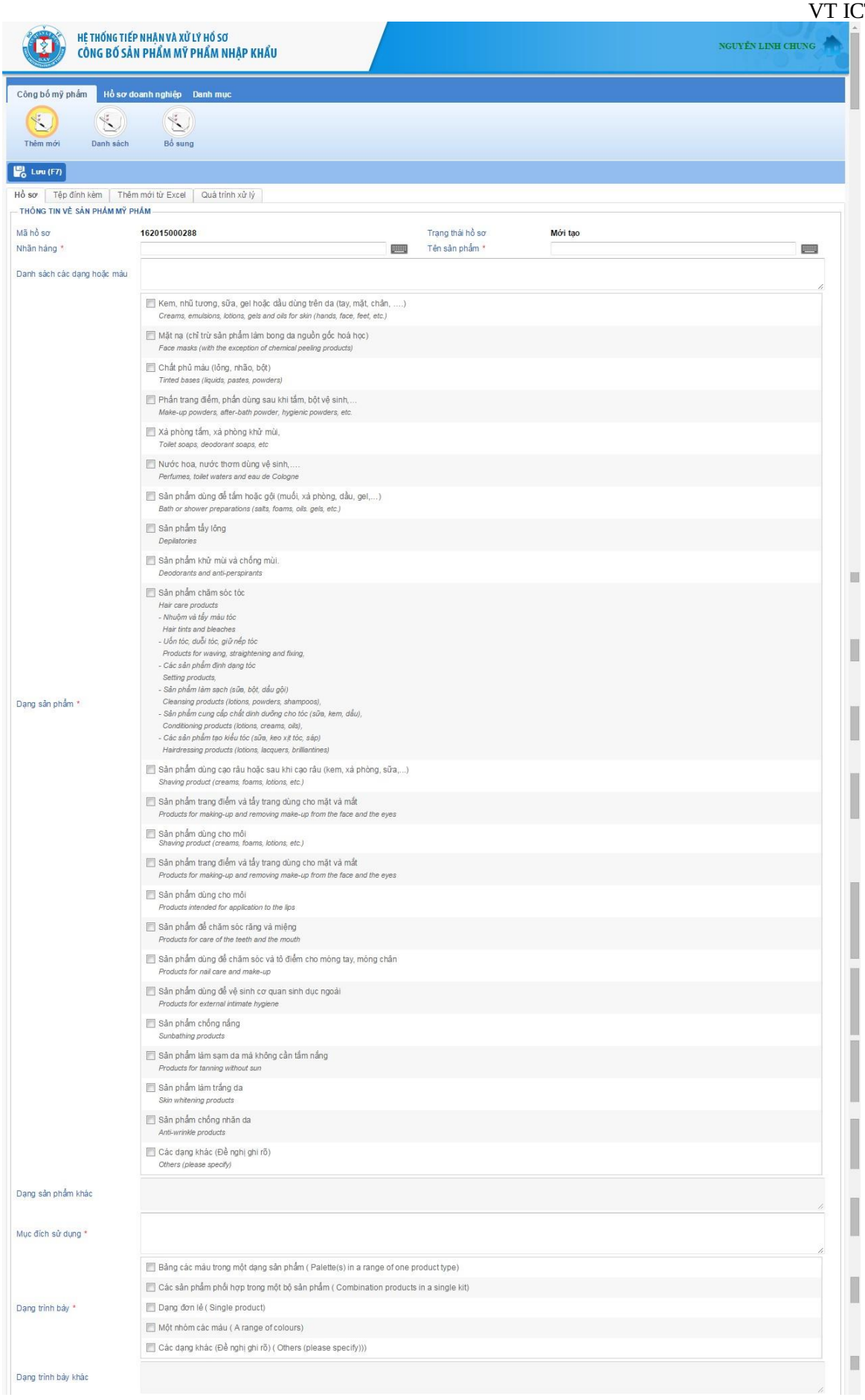
2. 서류에 대한 설정

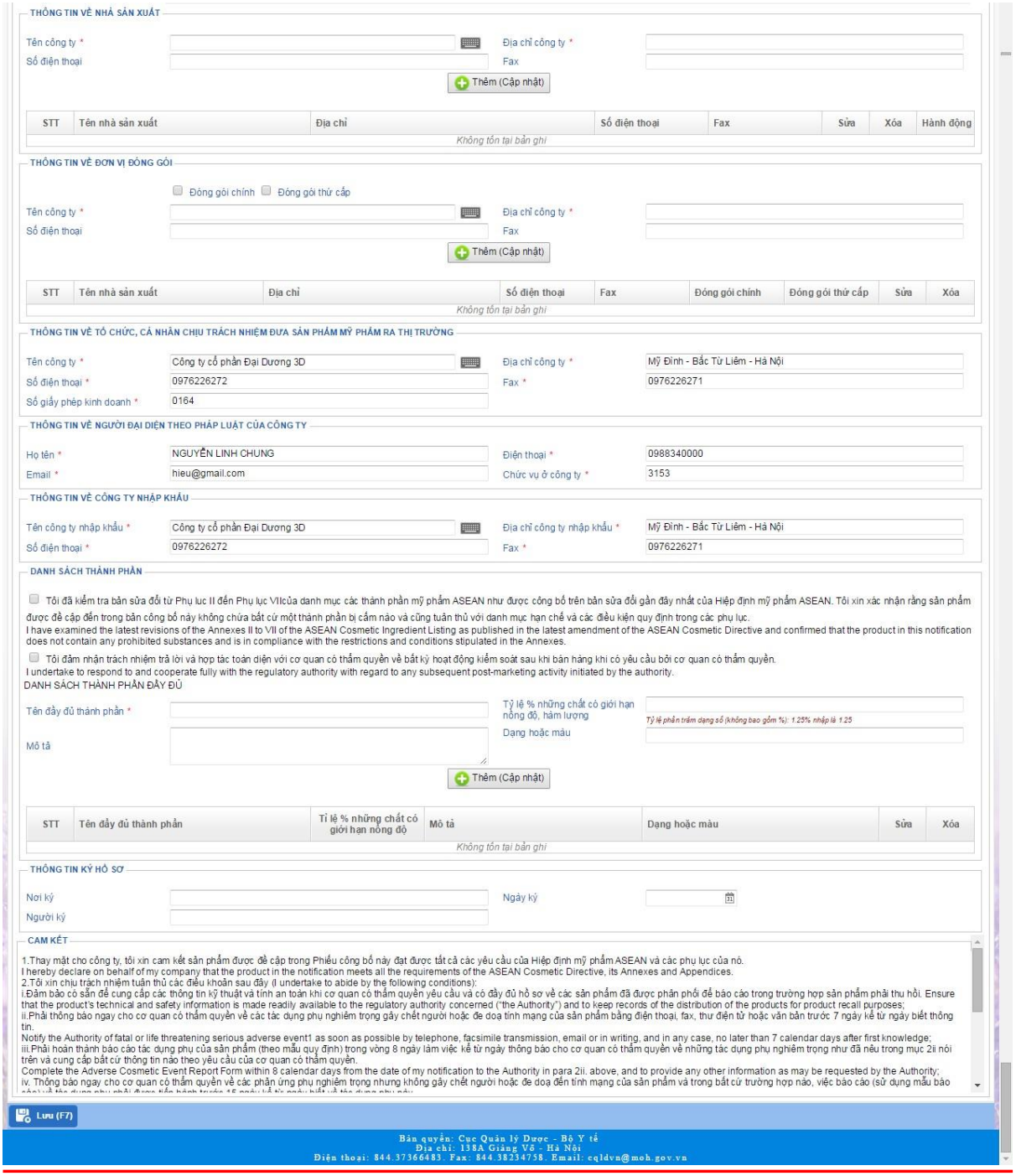
2.1. 새로 만들기

- 로그인한 후 “**화장품 등록-Công bố mỹ phẩm**”(1)탭을 선택한다. “**새로 만들기-Thêm mới**” (2)를 클릭한다.



새로 만들기 화면은 아래와 같다:


HỆ THỐNG TIẾP NHẬN VÀ XỬ LÝ HỒ SƠ
CÔNG BỐ SẢN PHẨM MỸ PHẨM NHẬP KHẨU
NGUYỄN LINH CHUNG
Công bố mỹ phẩm
Hồ sơ doanh nghiệp
Danh mục
Thêm mới
Danh sách
Bổ sung
Lưu (F7)
Hồ sơ
Tệp đính kèm
Thêm mới từ Excel
Quá trình xử lý
THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM MỸ PHẨM
Mã hồ sơ
162015000288
Trạng thái hồ sơ
Mới tạo
Nhãn hàng *
Tên sản phẩm *
Danh sách các dạng hoặc màu
Dạng sản phẩm *
Kem, nhũ tương, sữa, gel hoặc dầu dùng trên da (tay, mặt, chân, ...)
Creams, emulsions, lotions, gels and oils for skin (hands, face, feet, etc.)
Mặt nạ (chỉ trừ sản phẩm làm bong da nguồn gốc hoá học)
Face masks (with the exception of chemical peeling products)
Chất phủ màu (lỏng, nhão, bột)
Tinted bases (liquids, pastes, powders)
Phấn trang điểm, phấn dùng sau khi tắm, bột vệ sinh,...
Make-up powders, after-bath powder, hygienic powders, etc.
Xà phòng tắm, xà phòng khử mùi,
Toilet soaps, deodorant soaps, etc
Nước hoa, nước thơm dùng vệ sinh,....
Perfumes, toilet waters and eau de Cologne
Sản phẩm dùng để tắm hoặc gội (muối, xà phòng, dầu, gel,...)
Bath or shower preparations (salts, foams, oils, gels, etc.)
Sản phẩm tẩy lông
Depilatories
Sản phẩm khử mùi và chống mùi.
Deodorants and anti-perspirants
Sản phẩm chăm sóc tóc
Hair care products
- Nhuộm và tẩy màu tóc
Hair tints and bleaches
- Uốn tóc, duỗi tóc, giữ nếp tóc
Products for waving, straightening and fixing,
- Các sản phẩm định dạng tóc
Setting products,
- Sản phẩm làm sạch (sữa, bột, dầu gội)
Cleansing products (lotions, powders, shampoos),
- Sản phẩm cung cấp chất dinh dưỡng cho tóc (sữa, kem, dầu),
Conditioning products (lotions, creams, oils),
- Các sản phẩm tạo kiểu tóc (sữa, keo xịt tóc, sáp)
Hairdressing products (lotions, lacquers, brilliantines)
Sản phẩm dùng cạo râu hoặc sau khi cạo râu (kem, xà phòng, sữa,...)
Shaving product (creams, foams, lotions, etc.)
Sản phẩm trang điểm và tẩy trang dùng cho mặt và mắt
Products for making-up and removing make-up from the face and the eyes
Sản phẩm dùng cho môi
Shaving product (creams, foams, lotions, etc.)
Sản phẩm trang điểm và tẩy trang dùng cho mặt và mắt
Products for making-up and removing make-up from the face and the eyes
Sản phẩm dùng cho môi
Products intended for application to the lips
Sản phẩm để chăm sóc răng và miệng
Products for care of the teeth and the mouth
Sản phẩm dùng để chăm sóc và tô điểm cho móng tay, móng chân
Products for nail care and make-up
Sản phẩm dùng để vệ sinh cơ quan sinh dục ngoài
Products for external intimate hygiene
Sản phẩm chống nắng
Sunbathing products
Sản phẩm làm sạm da mà không cần tắm nắng
Products for tanning without sun
Sản phẩm làm trắng da
Skin whitening products
Sản phẩm chống nhăn da
Anti-wrinkle products
Các dạng khác (Đề nghị ghi rõ)
Others (please specify)
Dạng sản phẩm khác
Mục đích sử dụng *
Dạng trình bày *
Bảng các màu trong một dạng sản phẩm (Palette(s) in a range of one product type)
Các sản phẩm phối hợp trong một bộ sản phẩm (Combination products in a single kit)
Dạng đơn lẻ (Single product)
Một nhóm các màu (A range of colours)
Các dạng khác (Đề nghị ghi rõ) (Others (please specify)))
Dạng trình bày khác



<u>方法 1:</u> 웹사이트에 정보를 직접 입력하여 **새로 만들**기를 완료한다.

- **1 단계:** 각 항목에 정보를 입력한다.

  주의: *(*)항목은 필수항목이다.*

<u>정보 신고:</u>

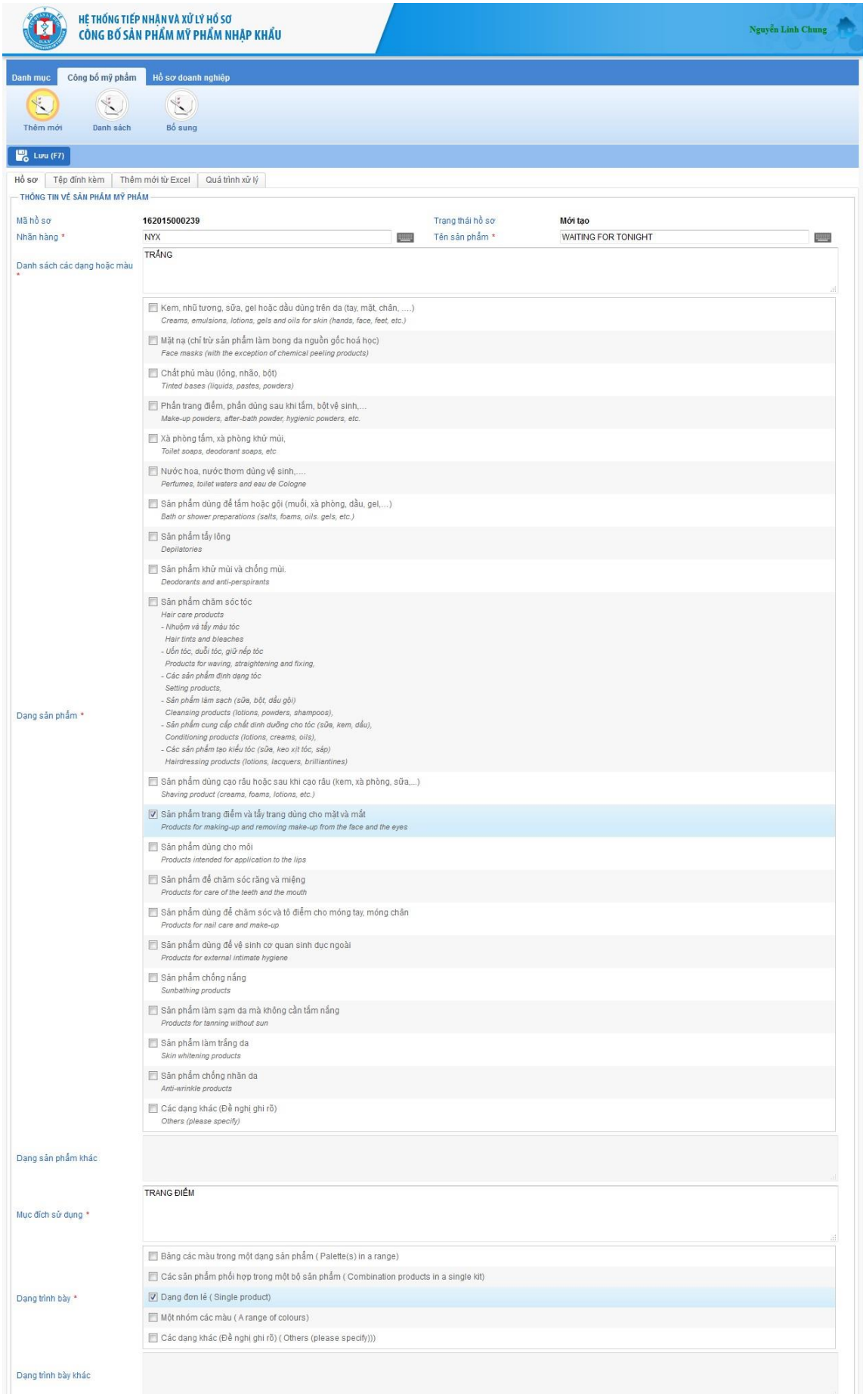
- 입력해야 할 항목들은 아래와 같은 내용이 포함되어야 한다:

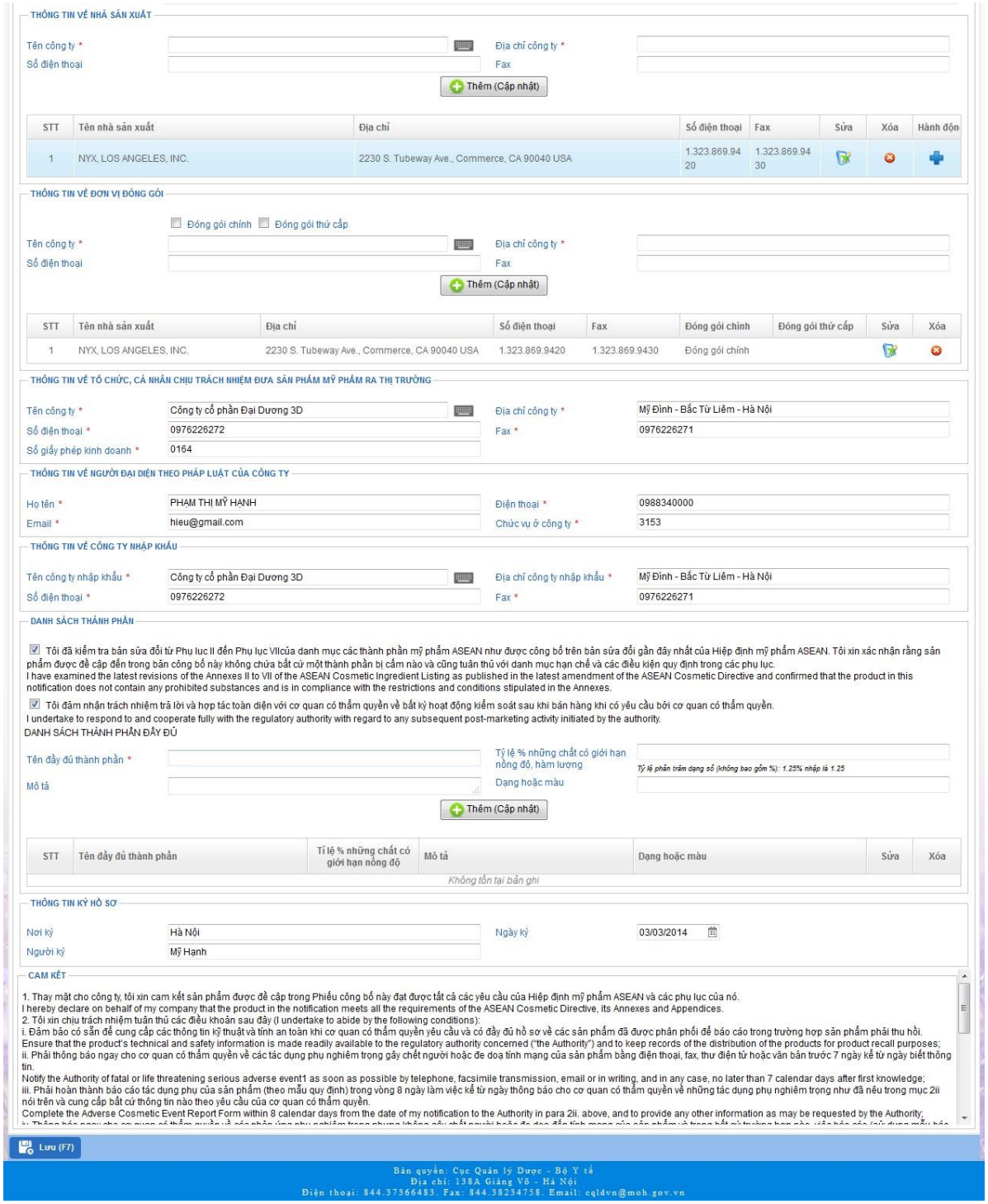
✓ 제품의 브랜드

✓ 제품명

- ✓ 색깔 종류 또는 색깔 목록
- ✓ 제품의 종류
- ✓ 용도
- ✓ 제품의 구성 방식
- ✓ 생산자의 정보
- ✓ 포장업체의 정보
- ✓ 판매자의 정보
- ✓ 기업의 법적 대표자의 정보
- ✓ 수입자의 정보
- ✓ 성분 목록
- ✓ 서류 서명에 대한 정보 (선택)

➢ 세부 내용은 아래 그림과 같다:


HỆ THỐNG TIẾP NHẬN VÀ XỬ LÝ HỒ SƠ
CÔNG BỐ SẢN PHẨM MỸ PHẨM NHẬP KHẨU
Nguyễn Linh Chung
Danh mục
Công bố mỹ phẩm
Hồ sơ doanh nghiệp
Thêm mới
Danh sách
Bổ sung
Lưu (F7)
Hồ sơ
Tệp đính kèm
Thêm mới từ Excel
Quá trình xử lý
THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM MỸ PHẨM
Mã hồ sơ
162015000239
Trạng thái hồ sơ
Mới tạo
Nhãn hàng *
NYX
Tên sản phẩm *
WAITING FOR TONIGHT
Danh sách các dạng hoặc màu *
TRẮNG
Kem, nhũ tương, sữa, gel hoặc dầu dùng trên da (tay, mặt, chân, ...)
Creams, emulsions, lotions, gels and oils for skin (hands, face, feet, etc.)
Mặt nạ (chỉ trừ sản phẩm làm bong da nguồn gốc hoá học)
Face masks (with the exception of chemical peeling products)
Chất phủ màu (lỏng, nhão, bột)
Tinted bases (liquids, pastes, powders)
Phấn trang điểm, phấn dùng sau khi tắm, bột vệ sinh,...
Make-up powders, after-bath powder, hygienic powders, etc.
Xà phòng tắm, xà phòng khử mùi,
Toilet soaps, deodorant soaps, etc
Nước hoa, nước thơm dùng vệ sinh,....
Perfumes, toilet waters and eau de Cologne
Sản phẩm dùng để tắm hoặc gội (muối, xà phòng, dầu, gel,...)
Bath or shower preparations (salts, foams, oils. gels, etc.)
Sản phẩm tẩy lông
Depilatories
Sản phẩm khử mùi và chống mùi.
Deodorants and anti-perspirants
Sản phẩm chăm sóc tóc
Hair care products
- Nhuộm và tẩy màu tóc
Hair tints and bleaches
- Uốn tóc, duỗi tóc, giữ nếp tóc
Products for waving, straightening and fixing,
- Các sản phẩm định dạng tóc
Setting products,
- Sản phẩm làm sạch (sữa, bột, dầu gội)
Cleansing products (lotions, powders, shampoos),
- Sản phẩm cung cấp chất dinh dưỡng cho tóc (sữa, kem, dầu),
Conditioning products (lotions, creams, oils),
- Các sản phẩm tạo kiểu tóc (sữa, keo xịt tóc, sáp)
Hairdressing products (lotions, lacquers, brilliantines)
Dạng sản phẩm *
Sản phẩm dùng cạo râu hoặc sau khi cạo râu (kem, xà phòng, sữa,...)
Shaving product (creams, foams, lotions, etc.)
Sản phẩm trang điểm và tẩy trang dùng cho mặt và mắt
Products for making-up and removing make-up from the face and the eyes
Sản phẩm dùng cho môi
Products intended for application to the lips
Sản phẩm để chăm sóc răng và miệng
Products for care of the teeth and the mouth
Sản phẩm dùng để chăm sóc và tô điểm cho móng tay, móng chân
Products for nail care and make-up
Sản phẩm dùng để vệ sinh cơ quan sinh dục ngoài
Products for external intimate hygiene
Sản phẩm chống nắng
Sunbathing products
Sản phẩm làm sạm da mà không cần tắm nắng
Products for tanning without sun
Sản phẩm làm trắng da
Skin whitening products
Sản phẩm chống nhăn da
Anti-wrinkle products
Các dạng khác (Đề nghị ghi rõ)
Others (please specify)
Dạng sản phẩm khác
TRANG ĐIỂM
Mục đích sử dụng *
Bảng các màu trong một dạng sản phẩm (Palette(s) in a range)
Các sản phẩm phối hợp trong một bộ sản phẩm (Combination products in a single kit)
Dạng trình bày *
Dạng đơn lẻ (Single product)
Một nhóm các màu (A range of colours)
Các dạng khác (Đề nghị ghi rõ) (Others (please specify)))
Dạng trình bày khác



THÔNG TIN VỀ NHÀ SẢN XUẤT

Tên công ty *
Địa chỉ công ty *
Số điện thoại
Fax
Thêm (Cập nhật)

STT	Tên nhà sản xuất	Địa chỉ	Số điện thoại	Fax	Sửa	Xóa	Hành động
1	NYX, LOS ANGELES, INC.	2230 S. Tubeway Ave., Commerce, CA 90040 USA	1.323.869.9420	1.323.869.9430			

THÔNG TIN VỀ ĐƠN VỊ ĐÓNG GÓI

Đóng gói chính Đóng gói thứ cấp
Tên công ty *
Địa chỉ công ty *
Số điện thoại
Fax
Thêm (Cập nhật)

STT	Tên nhà sản xuất	Địa chỉ	Số điện thoại	Fax	Đóng gói chính	Đóng gói thứ cấp	Sửa	Xóa
1	NYX, LOS ANGELES, INC.	2230 S. Tubeway Ave., Commerce, CA 90040 USA	1.323.869.9420	1.323.869.9430	Đóng gói chính			

THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐƯA SẢN PHẨM MỸ PHẨM RA THỊ TRƯỜNG

Tên công ty * Công ty cổ phần Đại Dương 3D
Địa chỉ công ty * Mỹ Đình - Bắc Từ Liêm - Hà Nội
Số điện thoại * 0976226272
Fax * 0976226271
Số giấy phép kinh doanh * 0164

THÔNG TIN VỀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Họ tên * PHẠM THỊ MỸ HẠNH
Điện thoại * 0988340000
Email * hieu@gmail.com
Chức vụ ở công ty * 3153

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY NHẬP KHẨU

Tên công ty nhập khẩu * Công ty cổ phần Đại Dương 3D
Địa chỉ công ty nhập khẩu * Mỹ Đình - Bắc Từ Liêm - Hà Nội
Số điện thoại * 0976226272
Fax * 0976226271

DANH SÁCH THÀNH PHẦN

Tôi đã kiểm tra bản sửa đổi từ Phụ lục II đến Phụ lục VIIcủa danh mục các thành phần mỹ phẩm ASEAN như được công bố trên bản sửa đổi gần đây nhất của Hiệp định mỹ phẩm ASEAN. Tôi xin xác nhận rằng sản phẩm được đề cập đến trong bản công bố này không chứa bất cứ một thành phần bị cấm nào và cũng tuân thủ với danh mục hạn chế và các điều kiện quy định trong các phụ lục.
I have examined the latest revisions of the Annexes II to VII of the ASEAN Cosmetic Ingredient Listing as published in the latest amendment of the ASEAN Cosmetic Directive and confirmed that the product in this notification does not contain any prohibited substances and is in compliance with the restrictions and conditions stipulated in the Annexes.

Tôi đảm nhận trách nhiệm trả lời và hợp tác toàn diện với cơ quan có thẩm quyền về bất kỳ hoạt động kiểm soát sau khi bán hàng khi có yêu cầu bởi cơ quan có thẩm quyền.
I undertake to respond to and cooperate fully with the regulatory authority with regard to any subsequent post-marketing activity initiated by the authority.

DANH SÁCH THÀNH PHẦN ĐẦY ĐỦ

Tên đầy đủ thành phần *
Tỷ lệ % những chất có giới hạn nồng độ, hàm lượng
Tỷ lệ phần trăm dạng số (không bao gồm %): 1.25% nhập là 1.25
Mô tả
Dạng hoặc màu
Thêm (Cập nhật)

STT	Tên đầy đủ thành phần	Tỉ lệ % những chất có giới hạn nồng độ	Mô tả	Dạng hoặc màu	Sửa	Xóa
Không tồn tại bản ghi						

THÔNG TIN KÝ HỒ SƠ

Nơi ký Hà Nội
Ngày ký 03/03/2014
Người ký Mỹ Hạnh

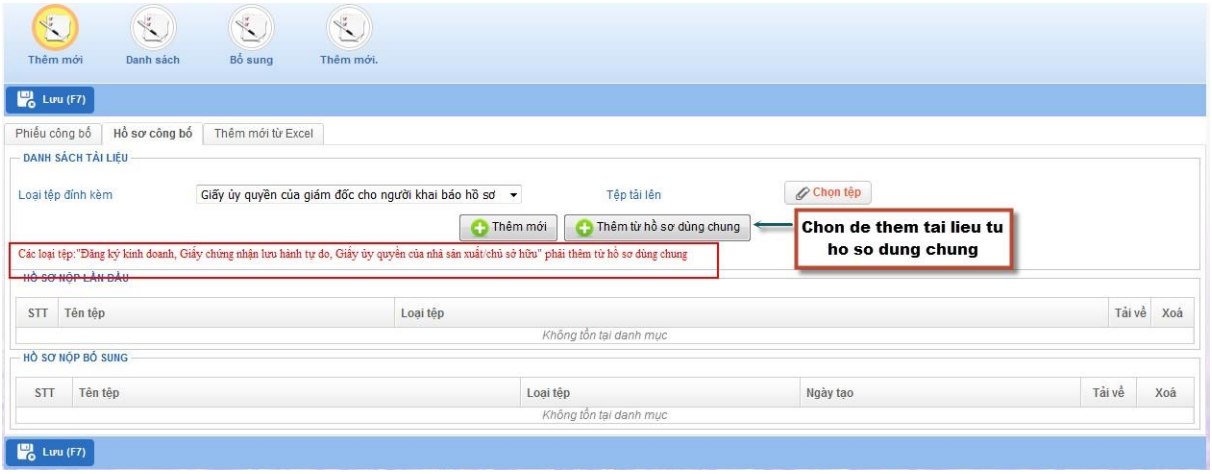
CAM KẾT

1. Thay mặt cho công ty, tôi xin cam kết sản phẩm được đề cập trong Phiếu công bố này đạt được tất cả các yêu cầu của Hiệp định mỹ phẩm ASEAN và các phụ lục của nó.
I hereby declare on behalf of my company that the product in the notification meets all the requirements of the ASEAN Cosmetic Directive, its Annexes and Appendices.
2. Tôi xin chịu trách nhiệm tuân thủ các điều khoản sau đây (I undertake to abide by the following conditions):
i. Đảm bảo có sẵn để cung cấp các thông tin kỹ thuật và tính an toàn khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu và có đầy đủ hồ sơ về các sản phẩm đã được phân phối để báo cáo trong trường hợp sản phẩm phải thu hồi.
Ensure that the product's technical and safety information is made readily available to the regulatory authority concerned ("the Authority") and to keep records of the distribution of the products for product recall purposes;
ii. Phải thông báo ngay cho cơ quan có thẩm quyền về các tác dụng phụ nghiêm trọng gây chết người hoặc đe dọa tính mạng của sản phẩm bằng điện thoại, fax, thư điện tử hoặc văn bản trước 7 ngày kể từ ngày biết thông tin.
Notify the Authority of fatal or life threatening serious adverse event1 as soon as possible by telephone, facsimile transmission, email or in writing, and in any case, no later than 7 calendar days after first knowledge;
iii. Phải hoàn thành báo cáo tác dụng phụ của sản phẩm (theo mẫu quy định) trong vòng 8 ngày làm việc kể từ ngày thông báo cho cơ quan có thẩm quyền về những tác dụng phụ nghiêm trọng như đã nêu trong mục 2ii nói trên và cung cấp bất cứ thông tin nào theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.
Complete the Adverse Cosmetic Event Report Form within 8 calendar days from the date of my notification to the Authority in para 2ii. above, and to provide any other information as may be requested by the Authority;

Lưu (F7)

Bản quyền: Cục Quản lý Dược - Bộ Y tế
Địa chỉ: 138A Giảng Võ - Hà Nội
Điện thoại: 844.37366483. Fax: 844.38234758. Email: cqldvn@moh.gov.vn

- **2** 단계: "**등록서류-Hồ sơ công bố**" 탭에서 첨부파일 버튼이나 공용서류파일 버튼을 클릭하여 파일을 불러온다.



주의: 공용서류파일*에서 파일을 불러와야 할 경우, 공용서류파일이 먼저 작성되어 있어야 불러올 수 있다. 기업의* ***공용서류****를 작성하려면* ***공용서류추가****의 5.1 조를 참조하기 바란다.*

- **3** 단계: 모든 정보를 입력한 후 

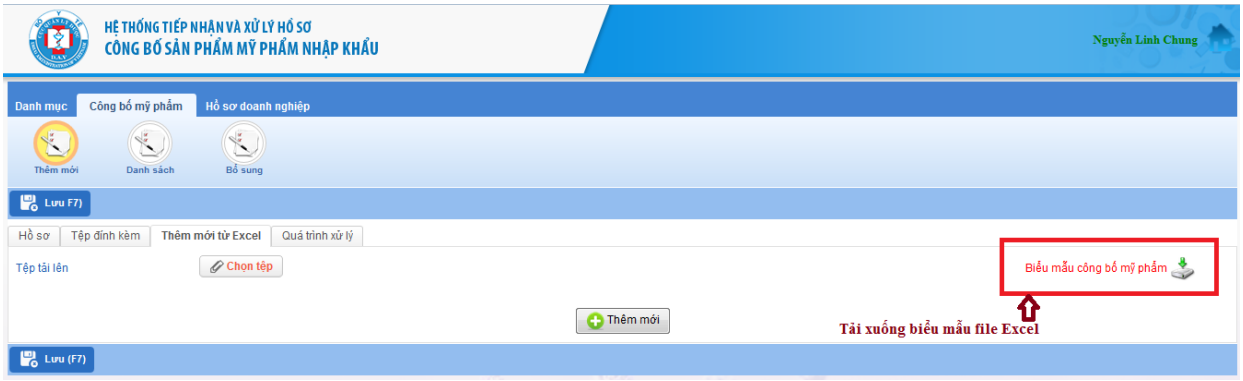
을 클릭하여 정보를 저장한다.

서류는 아래 내용을 포함하고 있어야 한다:

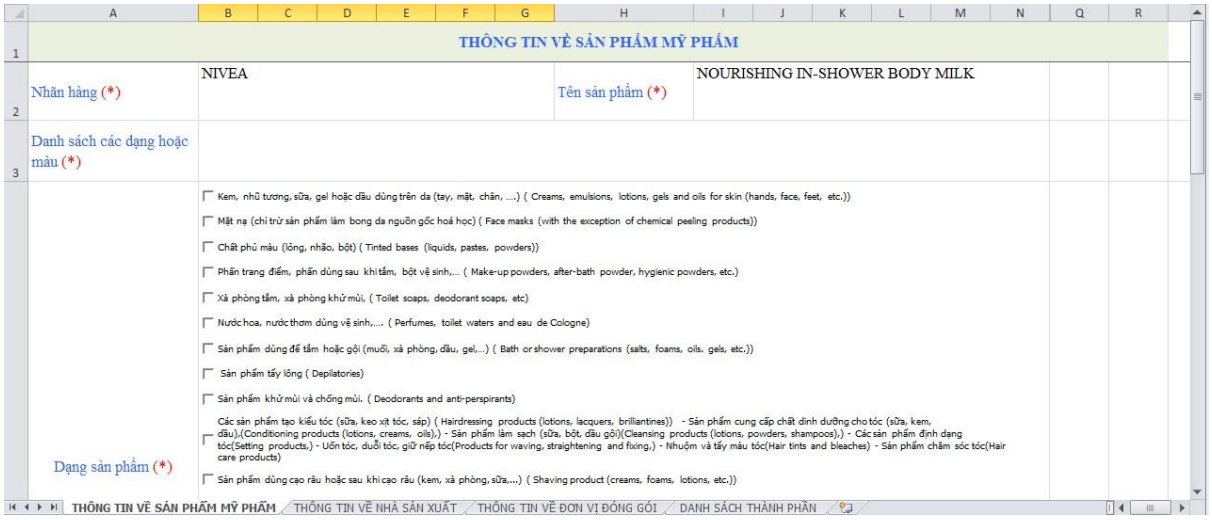
- **"등록표-Phiếu công bố"** 탭에서 요구하는 정보를 정확히 입력한다.
- **"등록서류- Hồ sơ công bố"** 탭에 아래와 같은 모든 PDF 파일을 첨부해야 한다.
  - 등록표 (웹사이트에서 자체 발급)
  - 사업자등록증
  - 생산자/소유자의 위임장
  - 자유판매증명서

방법 2: Excel 에서 데이터 불러오기

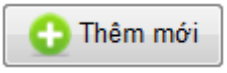
- **1** 단계: 웹사이트에서 Excel 파일 양식을 다운로드 받는다.



- **2 단계**: 다운로드 된 양식에 정보를 입력하고 저장한다.



- **3 단계**: 모든 정보를 입력한 후 

을 클릭하여 저장한 파일을 불러온다.
- **4 단계**: 

를 클릭하여 Excel 파일을 불러오면 Excel 파일의 데이터가 자동적으로 웹사이트의 각 항목에 입력된다. 잘못된 데이터가 있는 경우, 알림 창이 나타난다. 기업은 Excel 파일을 수정하여 다시 불러올 수 있고 웹사이트에서 직접 수정도 가능하다.
- **5 단계**: 방법 1 과 같이 첨부파일을 불러온다.
- **6 단계**: 신고된 서류를 저장하기 위해 **"저장-Lưu"**을 클릭한다. 지금 이 서류의 상태는 **"새로 작성-Mới tạo"**로 표시된다.

결과:

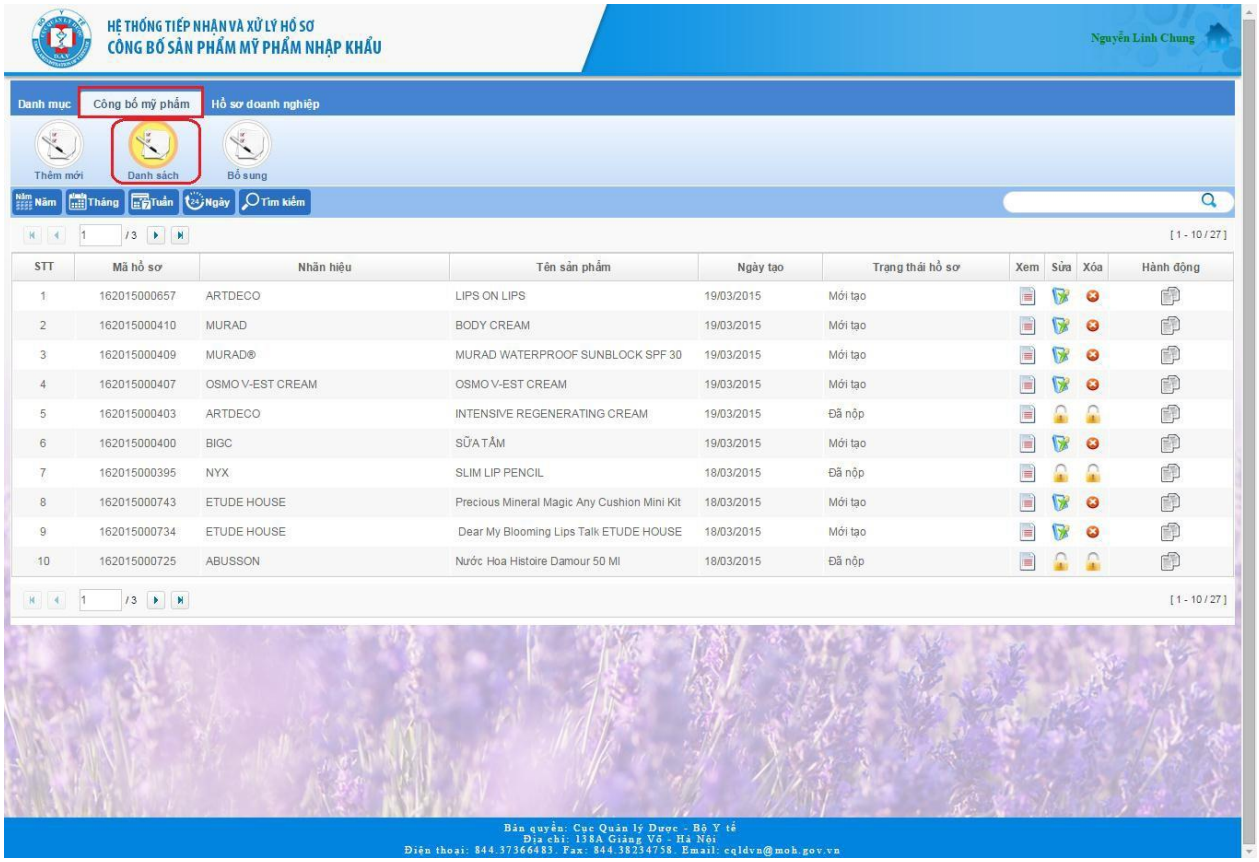
STT	Mã hồ sơ	Nhãn hiệu	Tên sản phẩm	Ngày tạo	Trạng thái hồ sơ	Xem	Sửa	Xóa	Hành động
1	162015000029	EDUTE HOUSE	AC CLINIC DAILY GEL LOLITON	19/03/2015	Mới tạo				

- *서류가 성공적으로 저장되면 알림 창이 나타난다. 저장할 때 입력되지 않은 정보가 있을 경우에도 알림 창이 나타나며 이런 경우 정보를 추가 입력하여 저장한다.*
- *서류가 저장되면* ***서류목록****에 표시된다. 서류의 상태는* ***"새로 작성-Mới tạo"****이다.*

2.2. 서류목록

기업의 서류목록을 표시하는 화면:

- 설정방법: **"화장품등록-Công bố mỹ phẩm"** 탭을 클릭하여 **"목록-Danh sách"**을 선택하면 기업이 작성한 서류들이 나타난다.



서류목록에서 각 서류의 상태에 따라 아래와 같은 설정버튼이 있다:

-  : 서류 보기
-  : 서류 수정
-  : 서류 삭제

-  : 서류 복사
-  : 서류접수정보 보기
-  : 수정 및 보충 요청 내용 보기
-  : 등록표의 파일 불러오기
- 수정 및 보충해야 하는 서류의 경우 기업이 **서류목록**에서 **수정버튼**  을 클릭하여 정보를 수정하거나 보충할 수 있다. **서류수정**은 **서류추가**의 2.1 조를 참조하기 바란다.

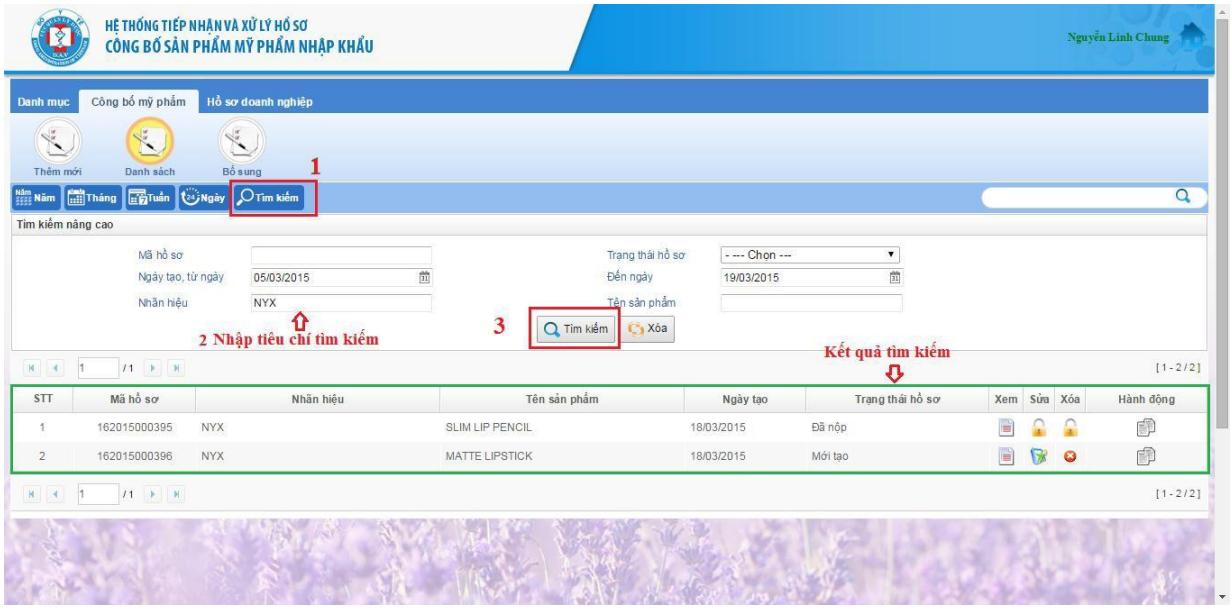
2.3. 서류 검색

- 서류를 신속히 검색하려면 서류검색 기능을 사용할 수 있다. 

을 클릭하여 입력된 항목에 따라 검색을 진행한다.

- **1 단계: 서류목록** 화면에서 **"검색-Tìm kiếm"**을 클릭한다.
- **2 단계:** 서류코드, 서류상태, … 일부터 … 일까지 작성됨, 브랜드, 제품명 등을 입력한다.
- **3 단계: "검색-Tìm kiếm"** 버튼을 클릭한다.

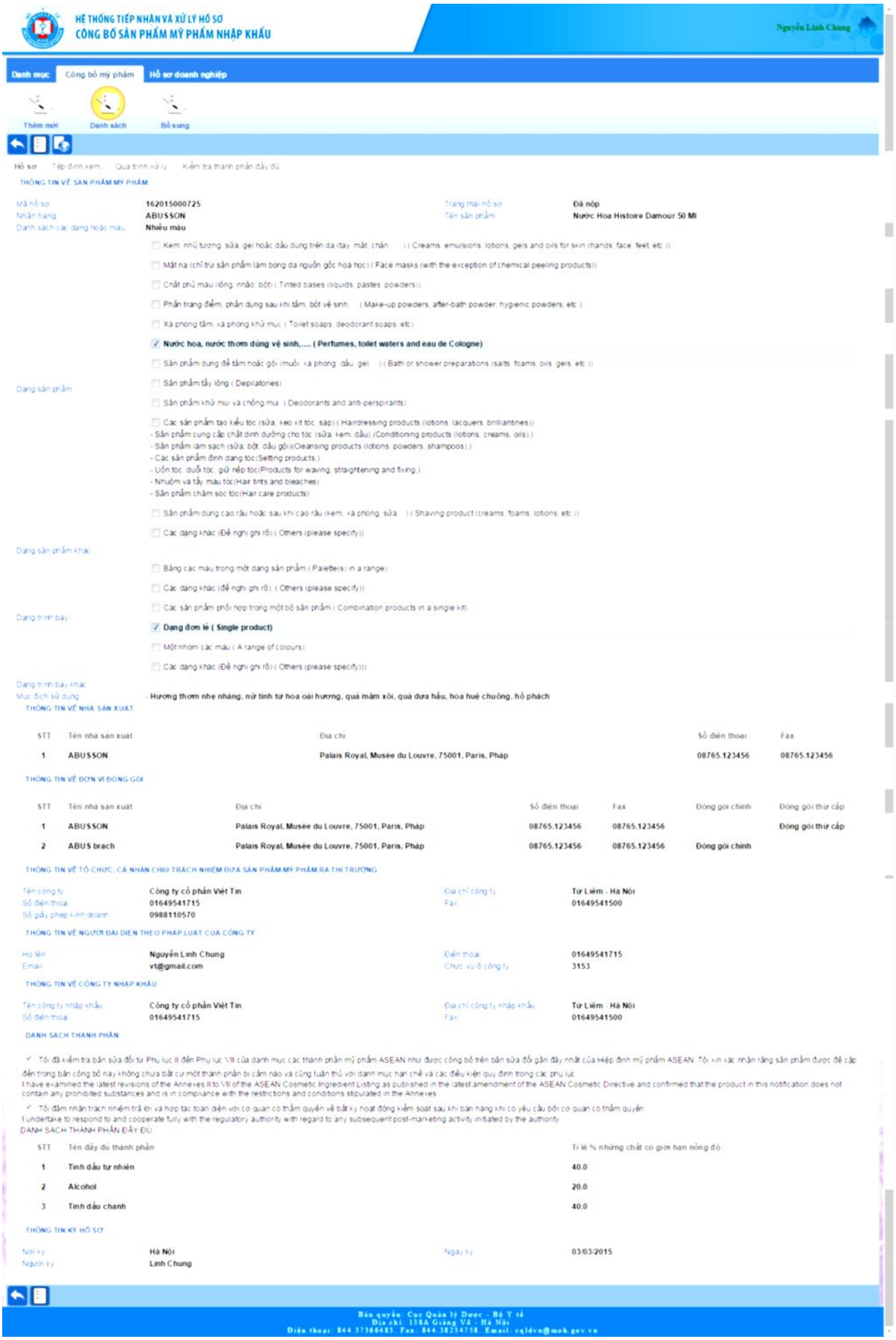
➔ 해당 검색 결과가 나타난다.



2.4. 세부정보 보기

- **서류목록** 화면에서 세부정보를 보고 싶은 서류를 선택하면 **세부정보** 화면이

나타난다:


HỆ THỐNG TIẾP NHẬN VÀ XỬ LÝ HỒ SƠ
CÔNG BỐ SẢN PHẨM MỸ PHẨM NHẬP KHẨU
Nguyễn Linh Chung
Danh mục
Công bố mỹ phẩm
Hồ sơ doanh nghiệp
Thêm mới
Danh sách
Bổ sung
Hồ sơ
Tệp đính kèm
Quá trình xử lý
Kiểm tra thành phần đầy đủ
THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM MỸ PHẨM
Mã hồ sơ: 162015000725
Trạng thái hồ sơ: Đã nộp
Nhãn hàng: ABUSSON
Tên sản phẩm: Nước Hoa Histoire Damour 50 Ml
Danh sách các dạng hoặc màu: Nhiều màu
Dạng sản phẩm
Kem, nhũ tương, sữa, gel hoặc dầu dùng trên da (tay, mặt, chân, ...) (Creams, emulsions, lotions, gels and oils for skin (hands, face, feet, etc.))
Mặt nạ (chỉ trừ sản phẩm tẩm bong da nguồn gốc hoá học) (Face masks (with the exception of chemical peeling products))
Chất phủ màu (lỏng, nhão, bột) (Tinted bases (liquids, pastes, powders))
Phấn trang điểm, phấn dùng sau khi tắm, bột vệ sinh, ... (Make-up powders, after-bath powder, hygienic powders, etc.)
Xà phòng tắm, xà phòng khử mùi, (Toilet soaps, deodorant soaps, etc)
Nước hoa, nước thơm dùng vệ sinh,.... (Perfumes, toilet waters and eau de Cologne)
Sản phẩm dùng để tắm hoặc gội (muối, xà phòng, dầu, gel, ...) (Bath or shower preparations (salts, foams, oils, gels, etc.))
Sản phẩm tẩy lông (Depilatories)
Sản phẩm khử mùi và chống mùi (Deodorants and anti-perspirants)
Các sản phẩm tạo kiểu tóc (sữa, keo xịt tóc, sáp) (Hairdressing products (lotions, lacquers, brilliantines))
- Sản phẩm cung cấp chất dinh dưỡng cho tóc (sữa, kem, dầu) (Conditioning products (lotions, creams, oils).)
- Sản phẩm làm sạch (sữa, bột, dầu gội)(Cleansing products (lotions, powders, shampoos).)
- Các sản phẩm định dạng tóc(Setting products.)
- Uốn tóc, duỗi tóc, giữ nếp tóc(Products for waving, straightening and fixing.)
- Nhuộm và tẩy màu tóc(Hair tints and bleaches)
- Sản phẩm chăm sóc tóc(Hair care products)
Sản phẩm dùng cạo râu hoặc sau khi cạo râu (kem, xà phòng, sữa, ...) (Shaving product (creams, foams, lotions, etc.))
Các dạng khác (Đề nghị ghi rõ) (Others (please specify))
Dạng sản phẩm khác
Bảng các màu trong một dạng sản phẩm (Palette(s) in a range)
Các dạng khác (Đề nghị ghi rõ) (Others (please specify))
Các sản phẩm phối hợp trong một bộ sản phẩm (Combination products in a single kit)
Dạng trình bày
Dạng đơn lẻ (Single product)
Một nhóm các màu (A range of colours)
Các dạng khác (Đề nghị ghi rõ) (Others (please specify))
Dạng trình bày khác
Mục đích sử dụng: - Hương thơm nhẹ nhàng, nữ tính từ hoa oải hương, quả mâm xôi, quả dưa hấu, hoa huệ chuông, hổ phách
THÔNG TIN VỀ NHÀ SẢN XUẤT
STT | Tên nhà sản xuất | Địa chỉ | Số điện thoại | Fax
1 | ABUSSON | Palais Royal, Musée du Louvre, 75001, Paris, Pháp | 08765.123456 | 08765.123456
THÔNG TIN VỀ ĐƠN VỊ ĐÓNG GÓI
STT | Tên nhà sản xuất | Địa chỉ | Số điện thoại | Fax | Đóng gói chính | Đóng gói thứ cấp
1 | ABUSSON | Palais Royal, Musée du Louvre, 75001, Paris, Pháp | 08765.123456 | 08765.123456 | | Đóng gói thứ cấp
2 | ABUS brach | Palais Royal, Musée du Louvre, 75001, Paris, Pháp | 08765.123456 | 08765.123456 | Đóng gói chính |
THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐƯA SẢN PHẨM MỸ PHẨM RA THỊ TRƯỜNG
Tên công ty: Công ty cổ phần Việt Tin
Địa chỉ công ty: Từ Liêm - Hà Nội
Số điện thoại: 01649541715
Fax: 01649541500
Số giấy phép kinh doanh: 0988110570
THÔNG TIN VỀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
Họ tên: Nguyễn Linh Chung
Điện thoại: 01649541715
Email: vt@gmail.com
Chức vụ ở công ty: 3153
THÔNG TIN VỀ CÔNG TY NHẬP KHẨU
Tên công ty nhập khẩu: Công ty cổ phần Việt Tin
Địa chỉ công ty nhập khẩu: Từ Liêm - Hà Nội
Số điện thoại: 01649541715
Fax: 01649541500
DANH SÁCH THÀNH PHẦN
Tôi đã kiểm tra bản sửa đổi từ Phụ lục II đến Phụ lục VII của danh mục các thành phần mỹ phẩm ASEAN như được công bố trên bản sửa đổi gần đây nhất của Hiệp định mỹ phẩm ASEAN. Tôi xin xác nhận rằng sản phẩm được đề cập đến trong bản công bố này không chứa bất cứ một thành phần bị cấm nào và cũng tuân thủ với danh mục hạn chế và các điều kiện quy định trong các phụ lục
I have examined the latest revisions of the Annexes II to VII of the ASEAN Cosmetic Ingredient Listing as published in the latest amendment of the ASEAN Cosmetic Directive and confirmed that the product in this notification does not contain any prohibited substances and is in compliance with the restrictions and conditions stipulated in the Annexes
Tôi đảm nhận trách nhiệm trả lời và hợp tác toàn diện với cơ quan có thẩm quyền về bất kỳ hoạt động kiểm soát sau khi bán hàng khi có yêu cầu bởi cơ quan có thẩm quyền
I undertake to respond to and cooperate fully with the regulatory authority with regard to any subsequent post-marketing activity initiated by the authority
DANH SÁCH THÀNH PHẦN ĐẦY ĐỦ
STT | Tên đầy đủ thành phần | Tỉ lệ % những chất có giới hạn nồng độ
1 | Tinh dầu tự nhiên | 40.0
2 | Alcohol | 20.0
3 | Tinh dầu chanh | 40.0
THÔNG TIN KÝ HỒ SƠ
Nơi ký: Hà Nội
Ngày ký: 03/03/2015
Người ký: Linh Chung
Bản quyền: Cục Quản lý Dược - Bộ Y tế
Địa chỉ: 138A Giảng Võ - Hà Nội
Điện thoại: 844.37366483. Fax: 844.38234758. Email: cqldvn@moh.gov.vn

2.5. 서류 복사

- **서류목록** 화면에서  를 클릭하여 서류를 복사할 수 있다.

  - **1 단계:** 복사하고자 하는 서류를 선택한다.



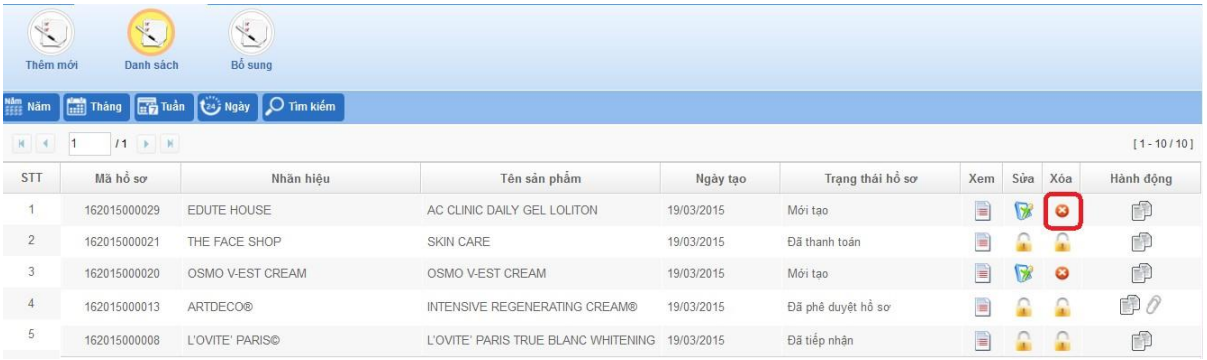
  - **2 단계: 서류복사** 화면이 나타나면 서류추가/서류수정 설정방법과 같이 진행한다.
  - **3 단계: "저장-Lưu"**을 클릭하여 복사작업을 완료한다.

성공적으로 저장된 서류는 기업의 **서류목록**에 표시된다.

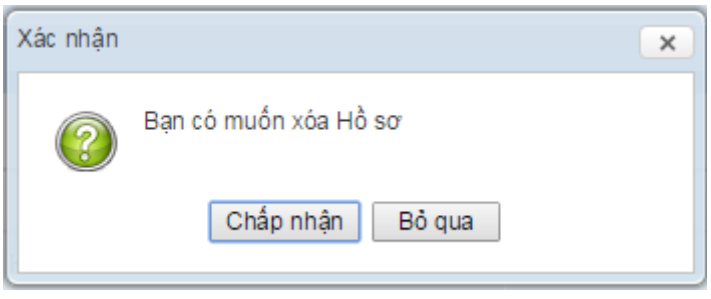
- 이 기능은 동일한 내용이 있는 서류들을 작성할 때 시간을 절약하기 위한 기능이다.

2.6. 서류 삭제

- **서류목록**에서 삭제하고자 하는 서류를 선택하여 확인창에서 삭제확인을 클릭한다.

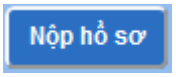


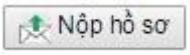
- 서류를 삭제하면 기업의 **서류목록**에서 삭제된다.



➢ ***주의: "새로 작성-Mới tạo"** 상태를 가진 서류만 삭제할 수 있다.*

2.7. 서류 제출

- **1 단계: 서류목록**에서 제출하고자 하는 서류를 선택한다.
- **2 단계:** 이 때 **세부정보** 화면이 나타나며, 

를 클릭하여 서류를 제출한다.
- **3 단계:** 화면에서 **서류접수자**(또는 서류수령자)를 선택하고 

를 클릭하여 서류제출을 확인한다.

➔ 서류제출이 완료되면 알림 창이 나타나며 서류상태는 **"새로 작성-Mới tạo"**에서 **"제출됨-Đã nộp"**으로 변경된다.



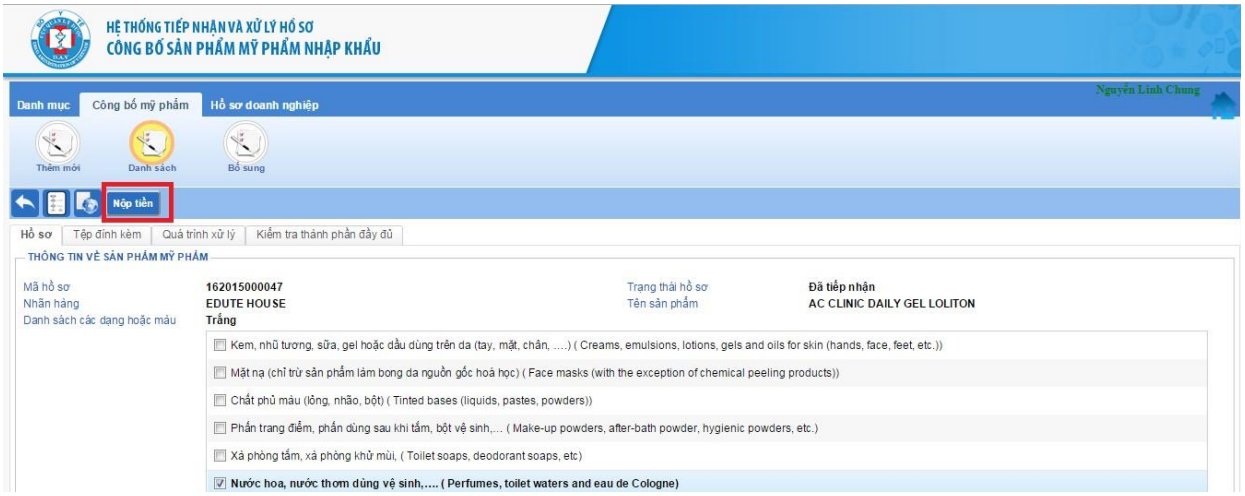
2.8. 요금 결제

- 서류가 문서실에 제출되면 문서실에서 서류확인 후 기업서류목록이 **"접수됨-Đã tiếp nhận"** 상태로 표시된다.
- **요금 결제** 절차는 아래와 같다:
  - **1: 기업서류목록**에서 **"접수됨-Đã tiếp nhận"** 상태인 서류를 선택한다.



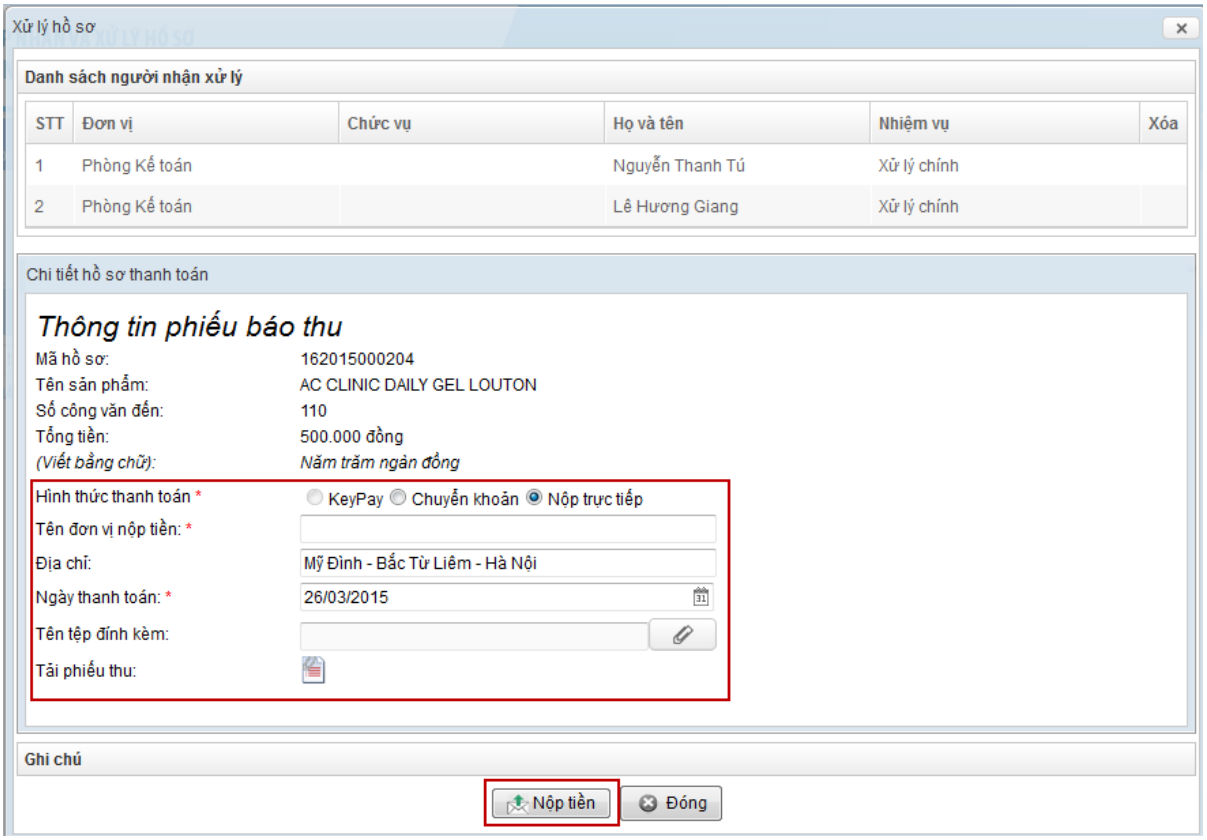
STT	Mã hồ sơ	Nhãn hiệu	Tên sản phẩm	Ngày tạo	Trạng thái hồ sơ	Xem	Sửa	Xóa	Hành động
1	162015000204	ETUDE HOUSE	AC CLINIC DAILY GEL LOUTON	26/03/2015	Đã tiếp nhận				

  - **2: 세부정보** 화면에서 "**요금 결제-Nộp tiền**"를 누르면 결제가 진행된다.



- 3: **요금 결제** 확인

➔ **요금 결제**가 완료되면, **"요금을 성공적으로 결제하셨습니다-Bạn đã nộp tiền thành công"** 알림창이 나타난다.



➔ **요금 결제**가 완료된 후 다음 처리과정을 위해 데이터가 회계부로 전달된다.

3. 심사결과 수령

➢ **<u>합격/불합격 서류, 수정 및 보충이 요청된 서류</u>**

- 심사관이 서류를 심사한 후 합격/불합격을 결정하면 **서류목록** 화면에서 서류상태가 **"심사결과가 통보됨-Đã trả kết quả"** 또는 **수정 및 보충요청**으로 표시된다.

- 심사결과가 통보되는 서류:



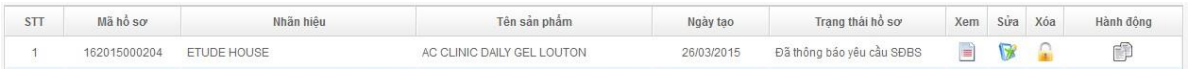
STT	Mã hồ sơ	Nhãn hiệu	Tên sản phẩm	Ngày tạo	Trạng thái hồ sơ	Xem	Sửa	Xóa	Hành động
1	162015000136	EDUTE HOUSE	AC CLINIC DAILY GEL LOTION	25/03/2015	Đã trả kết quả				

- 문서부서에서 수정 및 보충을 요청하는 서류:



STT	Mã hồ sơ	Nhãn hiệu	Tên sản phẩm	Ngày tạo	Trạng thái hồ sơ	Xem	Sửa	Xóa	Hành động
1	162015000136	SHISEIDO	Regenerating Body Cream	25/03/2015	Văn thư yêu cầu SĐBS				

- 심사관 또는 관리자가 수정 및 보충을 요청하는 서류:



STT	Mã hồ sơ	Nhãn hiệu	Tên sản phẩm	Ngày tạo	Trạng thái hồ sơ	Xem	Sửa	Xóa	Hành động
1	162015000204	ETUDE HOUSE	AC CLINIC DAILY GEL LOUTON	26/03/2015	Đã thông báo yêu cầu SĐBS				

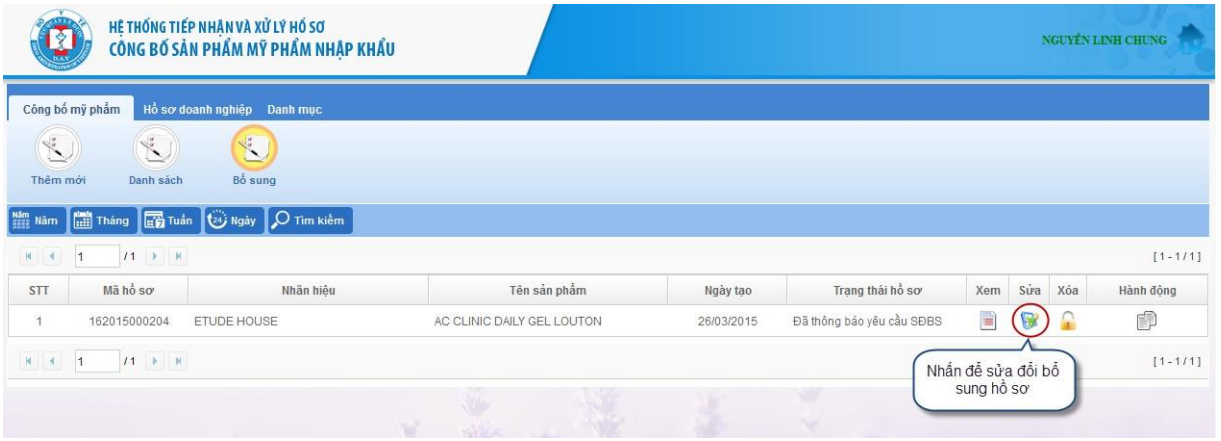
- 통보된 심사결과파일을 다운로드를 할 수 있다. **(유용한 기능** 부분 참조)

4. 서류 수정 및 보충

4.1. 서류 수정 및 보충

- 심사관 또는 심사부서 관리자가 서류를 심사한 후 **"서류 보충 요청- Yêu cầu bổ sung hồ sơ"**을 할 경우 기업측은 서류 보충을 해야 한다.
- **"화장품 등록-Công bố mỹ phẩm"** 탭에서 **"보충-Bổ sung"**을 누르면 보충해야 하는 서류목록을 확인할 수 있다.

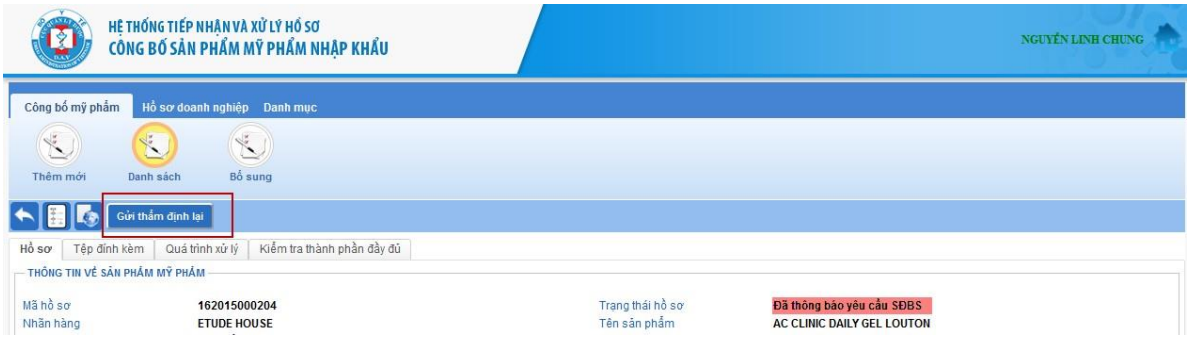
➔ 화면에서 **"수정 및 보충 요청-Đã thông báo SĐBS"** 상태를 가진 서류목록이 표시되면 이 서류들을 수정 또는 보충한 후 재심사하도록 제출한다.



주의: *재심사를 위해 제출된 서류는 수정 및 보충 공문에 따라 수정 정보외 수정 및 보충에 대한 사유서 및 서류 수정 후 재서명 확인서가 같이 첨부되어야 한다.*

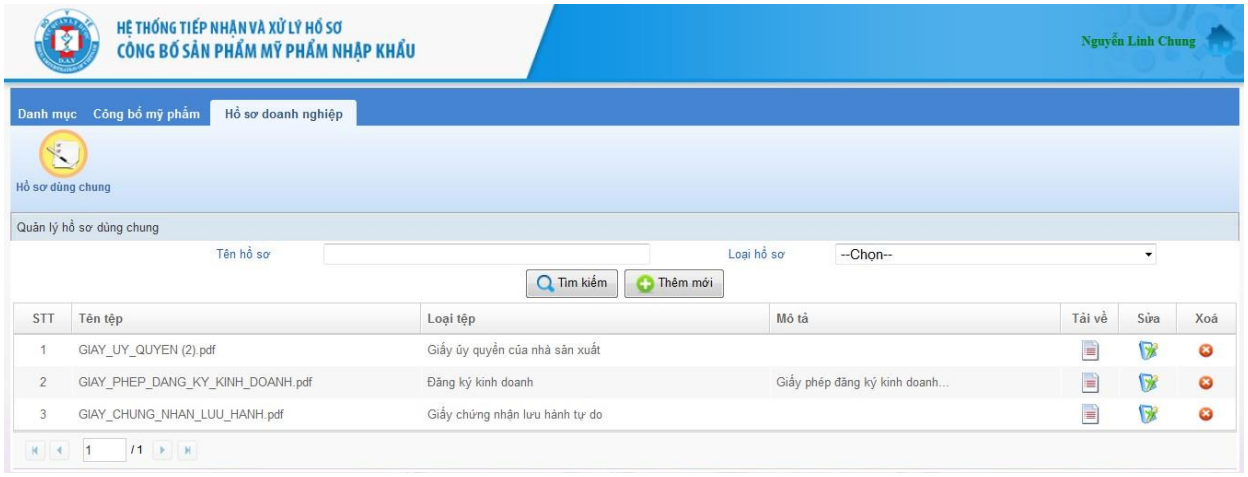
4.2. 수정 및 보충된 서류 제출

기업측에서 서류를 수정 및 보충한 후 재심사하도록 제출할 수 있다.



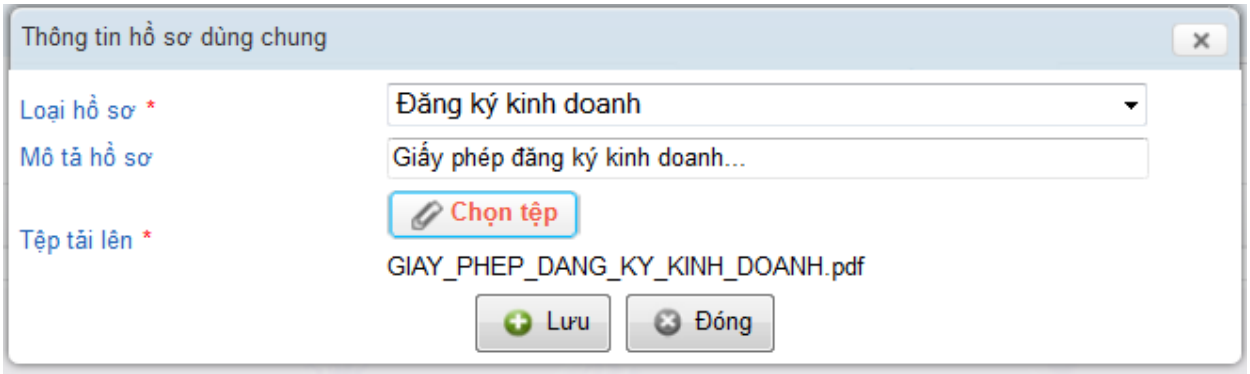
5. 공용서류 관리

- 여러 서류에 공통적이고 반복적으로 같이 사용될 수 있는 서류를 관리하는 기능이며 웹사이트에서 저장되어 필요 시 사용할 수 있게 만들어주는 기능이다.



5.1. 공용 서류 추가

- 아래와 같은 방법으로 **공용 서류 추가**를 할 수 있다:
  - **1 단계: "기업서류-Hồ sơ doanh nghiệp"**를 선택한 후 **"공용서류-Hồ sơ dùng chung" → "서류추가-Thêm mới"**
  - **2 단계:** 서류 정보를 입력 → 파일 불러오기. **첨부파일은 원본의 스캔본이어야 한다.** 웹사이트에 PDF 파일만 불러올 수 있다.
  - **3 단계:** 저장을 클릭한다.



5.2. 공용서류 검색

공용서류에 첨부된 파일을 검색하는 기능이다.

- **1 단계:** 화장품 등록 웹사이트에 로그인 한다.
- **2 단계: 메인화면**에서 "**기업서류- Hồ sơ doanh nghiệp**" 탭을 누르면 → 공용서류에 첨부된 **파일목록** 화면이 나타난다.



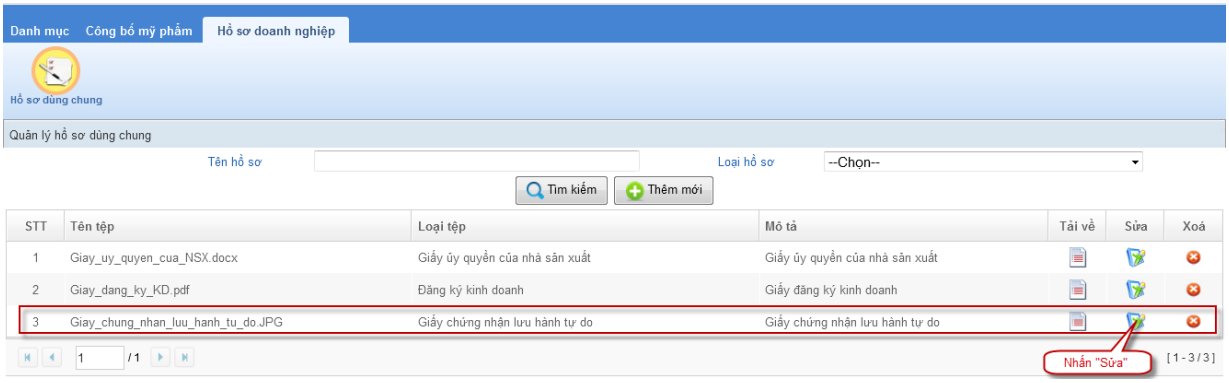
- **3 단계: 검색 항목**을 입력 → 검색 버튼을 클릭 → 검색결과가 나타난다.



5.3. 공용서류 수정

공용서류에 첨부된 파일을 수정하는 기능이다.

- **1 단계:** 공용서류에 첨부된 **파일목록** 화면에서 수정해야 할 파일을 선택한다 → **"수정-Sửa"**(적색으로 표시된 부분)을 클릭한다.



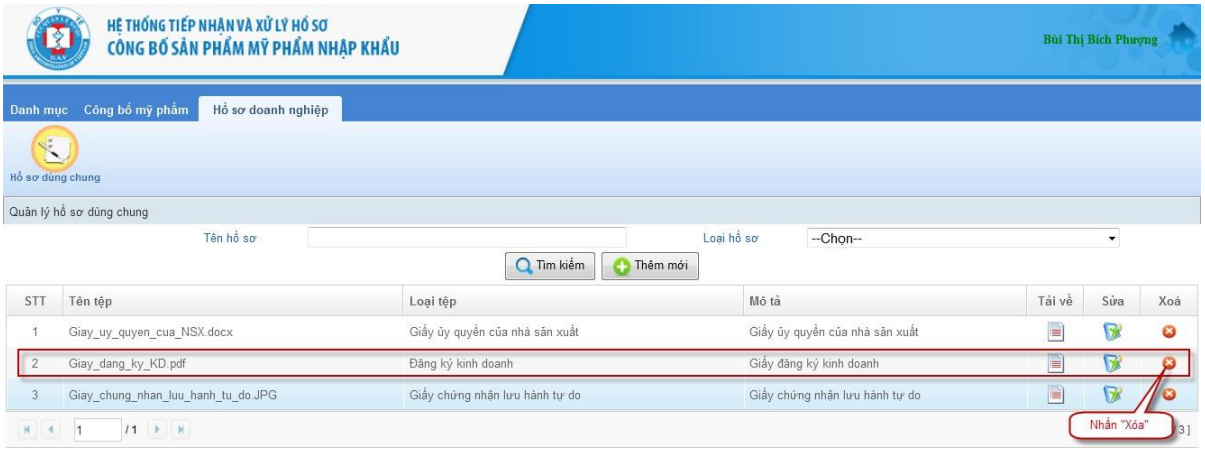
- **2 단계: 첨부 파일 수정** 화면이 나타난다 → 수정한 후 저장을 클릭한다.



5.4. 공용서류 삭제

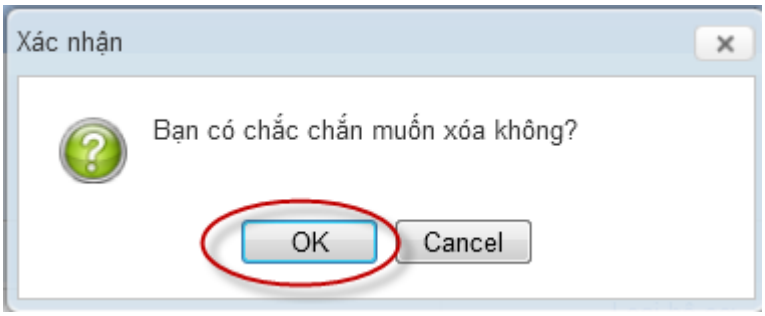
공용서류에 첨부된 파일을 삭제하는 기능이다.

- **1 단계:** 공용서류에 첨부된 **파일목록** 화면에서 삭제해야 할 파일을 선택한다 → **"삭제-Xóa"**(적색으로 표시된 부분)를 클릭한다.



➔ **공용서류 수정** 및 **삭제 기능**은 이미 등록된 서류에 첨부되지 않은 서류에만 해당한다.

- **2 단계: 첨부파일 삭제 확인** 팝업 창이 나타난다 → OK 를 클릭한다.



6. 유용한 기능

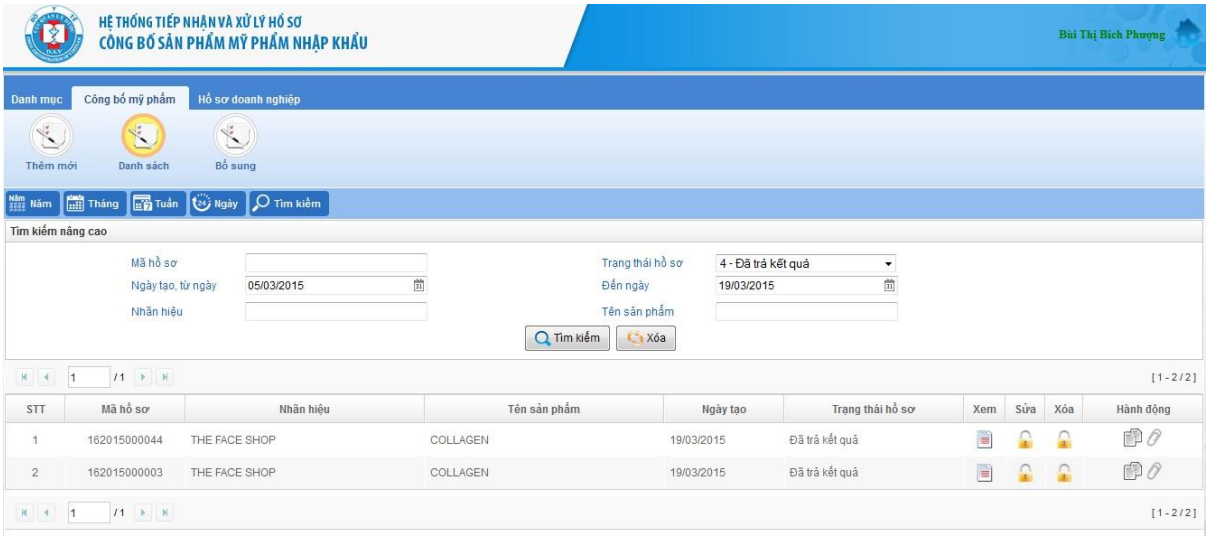
6.1. 등록허가 보기

서류는 승인되어 허가가 발급될 경우 등록허가를 볼 수 있게 해주는 기능이다.

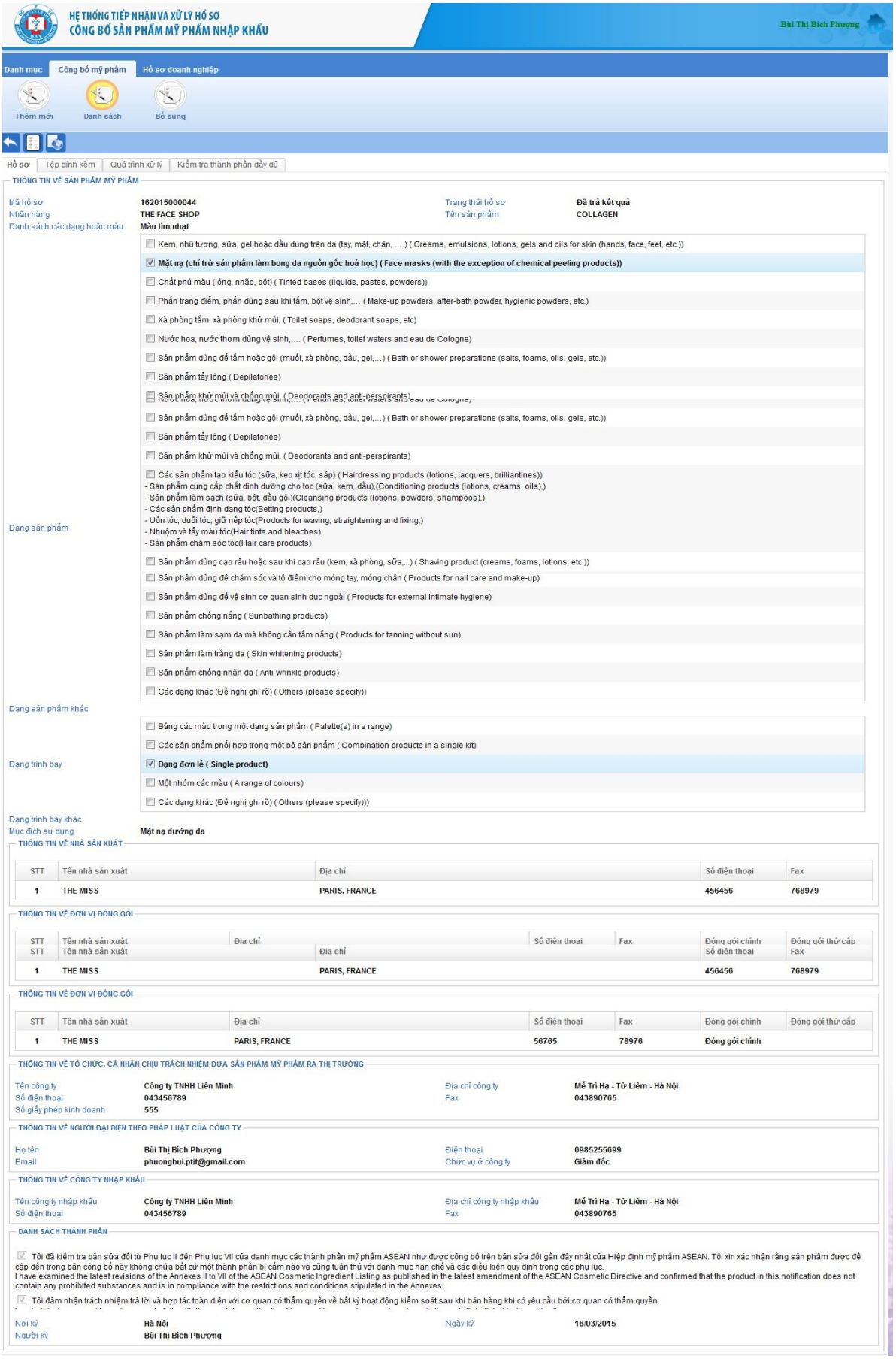
아래의 2 가지의 방법 중 하나를 선택할 수 있다:

방법 1:

- **1 단계:** 기업의 **서류목록** 화면의 **서류상태** 항목에서 "**심사결과 통보됨-Đã trả kết quả**"을 선택 → **심사결과 통보 서류목록** 화면이 나타난다.



- **2 단계:** 서류의 링크를 클릭 → **세부정보** 화면이 나타난다.



HỆ THỐNG TIẾP NHẬN VÀ XỬ LÝ HỒ SƠ
CÔNG BỐ SẢN PHẨM MỸ PHẨM NHẬP KHẨU

Bùi Thị Bích Phượng

Danh mục | Công bố mỹ phẩm | Hồ sơ doanh nghiệp

Thêm mới | Danh sách | Bổ sung

Hồ sơ | Tệp đính kèm | Quá trình xử lý | Kiểm tra thành phần đầy đủ

THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM MỸ PHẨM

Mã hồ sơ: 162015000044
Trạng thái hồ sơ: Đã trả kết quả
Nhãn hàng: THE FACE SHOP
Tên sản phẩm: COLLAGEN
Danh sách các dạng hoặc màu: Màu tím nhạt

Dạng sản phẩm:
- ☐ Kem, nhũ tương, sữa, gel hoặc dầu dùng trên da (tay, mặt, chân, ...) (Creams, emulsions, lotions, gels and oils for skin (hands, face, feet, etc.))
- ☑ Mặt nạ (chỉ trừ sản phẩm làm bong da nguồn gốc hoá học) (Face masks (with the exception of chemical peeling products))
- ☐ Chất phủ màu (lỏng, nhão, bột) (Tinted bases (liquids, pastes, powders))
- ☐ Phấn trang điểm, phấn dùng sau khi tắm, bột vệ sinh,... (Make-up powders, after-bath powder, hygienic powders, etc.)
- ☐ Xà phòng tắm, xà phòng khử mùi, (Toilet soaps, deodorant soaps, etc)
- ☐ Nước hoa, nước thơm dùng vệ sinh,.... (Perfumes, toilet waters and eau de Cologne)
- ☐ Sản phẩm dùng để tắm hoặc gội (muối, xà phòng, dầu, gel,...) (Bath or shower preparations (salts, foams, oils. gels, etc.))
- ☐ Sản phẩm tẩy lông (Depilatories)
- ☐ Sản phẩm khử mùi và chống mùi. (Deodorants and anti-perspirants)
- ☐ Các sản phẩm tạo kiểu tóc (sữa, keo xịt tóc, sáp) (Hairdressing products (lotions, lacquers, brilliantines))
  - Sản phẩm cung cấp chất dinh dưỡng cho tóc (sữa, kem, dầu),(Conditioning products (lotions, creams, oils),)
  - Sản phẩm làm sạch (sữa, bột, dầu gội)(Cleansing products (lotions, powders, shampoos),)
  - Các sản phẩm định dạng tóc(Setting products,)
  - Uốn tóc, duỗi tóc, giữ nếp tóc(Products for waving, straightening and fixing,)
  - Nhuộm và tẩy màu tóc(Hair tints and bleaches)
  - Sản phẩm chăm sóc tóc(Hair care products)
- ☐ Sản phẩm dùng cạo râu hoặc sau khi cạo râu (kem, xà phòng, sữa,...) (Shaving product (creams, foams, lotions, etc.))
- ☐ Sản phẩm dùng để chăm sóc và tô điểm cho móng tay, móng chân (Products for nail care and make-up)
- ☐ Sản phẩm dùng để vệ sinh cơ quan sinh dục ngoài (Products for external intimate hygiene)
- ☐ Sản phẩm chống nắng (Sunbathing products)
- ☐ Sản phẩm làm sạm da mà không cần tắm nắng (Products for tanning without sun)
- ☐ Sản phẩm làm trắng da (Skin whitening products)
- ☐ Sản phẩm chống nhăn da (Anti-wrinkle products)
- ☐ Các dạng khác (Đề nghị ghi rõ) (Others (please specify))

Dạng sản phẩm khác:
- ☐ Bảng các màu trong một dạng sản phẩm (Palette(s) in a range)
- ☐ Các sản phẩm phối hợp trong một bộ sản phẩm (Combination products in a single kit)

Dạng trình bày:
- ☑ Dạng đơn lẻ (Single product)
- ☐ Một nhóm các màu (A range of colours)
- ☐ Các dạng khác (Đề nghị ghi rõ) (Others (please specify)))

Dạng trình bày khác:
Mục đích sử dụng: Mặt nạ dưỡng da

THÔNG TIN VỀ NHÀ SẢN XUẤT

STT	Tên nhà sản xuất	Địa chỉ	Số điện thoại	Fax
1	THE MISS	PARIS, FRANCE	456456	768979

THÔNG TIN VỀ ĐƠN VỊ ĐÓNG GÓI

STT	Tên nhà sản xuất	Địa chỉ	Số điện thoại	Fax	Đóng gói chính	Đóng gói thứ cấp
STT	Tên nhà sản xuất	Địa chỉ			Số điện thoại	Fax
1	THE MISS	PARIS, FRANCE			456456	768979

THÔNG TIN VỀ ĐƠN VỊ ĐÓNG GÓI

STT	Tên nhà sản xuất	Địa chỉ	Số điện thoại	Fax	Đóng gói chính	Đóng gói thứ cấp
1	THE MISS	PARIS, FRANCE	56765	78976	Đóng gói chính	

THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐƯA SẢN PHẨM MỸ PHẨM RA THỊ TRƯỜNG

Tên công ty: Công ty TNHH Liên Minh
Địa chỉ công ty: Mễ Trì Hạ - Từ Liêm - Hà Nội
Số điện thoại: 043456789
Fax: 043890765
Số giấy phép kinh doanh: 555

THÔNG TIN VỀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Họ tên: Bùi Thị Bích Phượng
Điện thoại: 0985255699
Email: phuongbui.ptit@gmail.com
Chức vụ ở công ty: Giám đốc

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY NHẬP KHẨU

Tên công ty nhập khẩu: Công ty TNHH Liên Minh
Địa chỉ công ty nhập khẩu: Mễ Trì Hạ - Từ Liêm - Hà Nội
Số điện thoại: 043456789
Fax: 043890765

DANH SÁCH THÀNH PHẦN

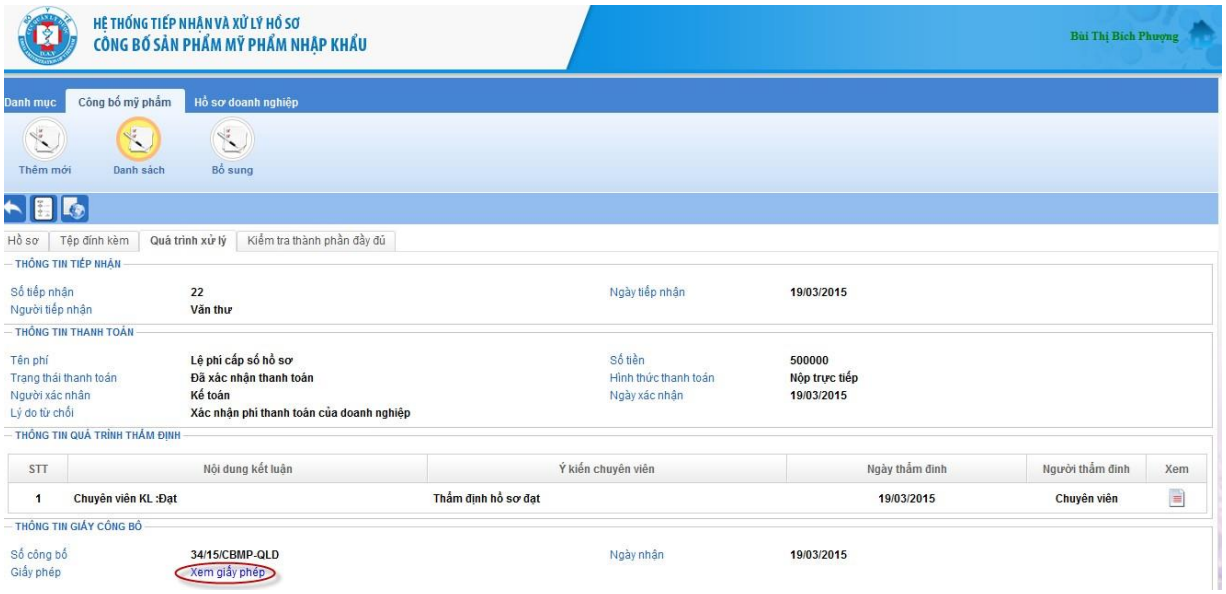
☑ Tôi đã kiểm tra bản sửa đổi từ Phụ lục II đến Phụ lục VII của danh mục các thành phần mỹ phẩm ASEAN như được công bố trên bản sửa đổi gần đây nhất của Hiệp định mỹ phẩm ASEAN. Tôi xin xác nhận rằng sản phẩm được đề cập đến trong bản công bố này không chứa bất cứ một thành phần bị cấm nào và cũng tuân thủ với danh mục hạn chế và các điều kiện quy định trong các phụ lục.
I have examined the latest revisions of the Annexes II to VII of the ASEAN Cosmetic Ingredient Listing as published in the latest amendment of the ASEAN Cosmetic Directive and confirmed that the product in this notification does not contain any prohibited substances and is in compliance with the restrictions and conditions stipulated in the Annexes.

☑ Tôi đảm nhận trách nhiệm trả lời và hợp tác toàn diện với cơ quan có thẩm quyền về bất kỳ hoạt động kiểm soát sau khi bán hàng khi có yêu cầu bởi cơ quan có thẩm quyền.

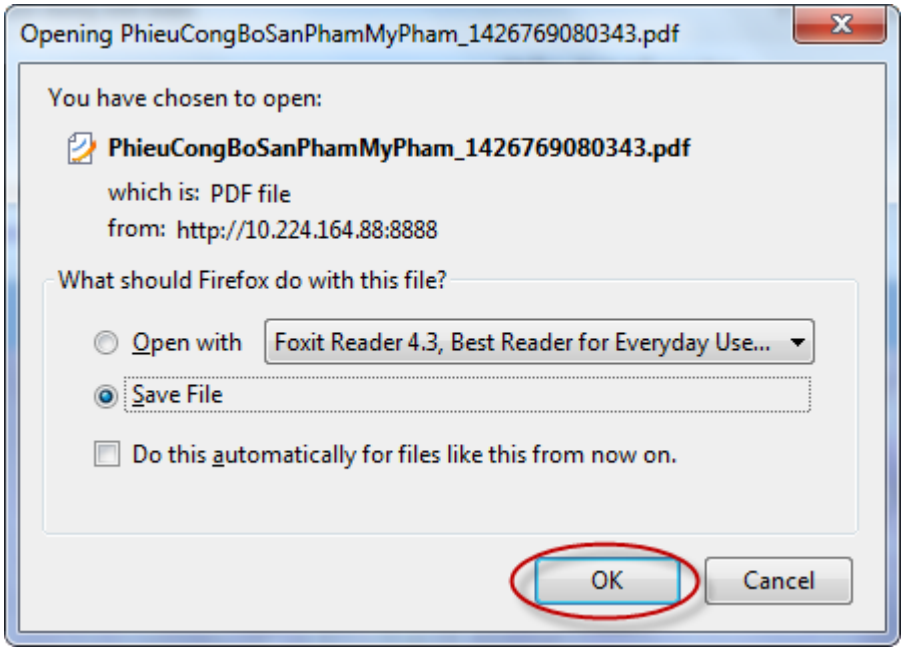
Nơi ký: Hà Nội
Ngày ký: 16/03/2015
Người ký: Bùi Thị Bích Phượng

- **3 단계: “처리과정-Quá trình xử lý”** 탭을 클릭 → **서류처리정보** 화면이 나타난다.

➔ **“등록서정보 -Thông tin giấy công bố”** 항목에서:

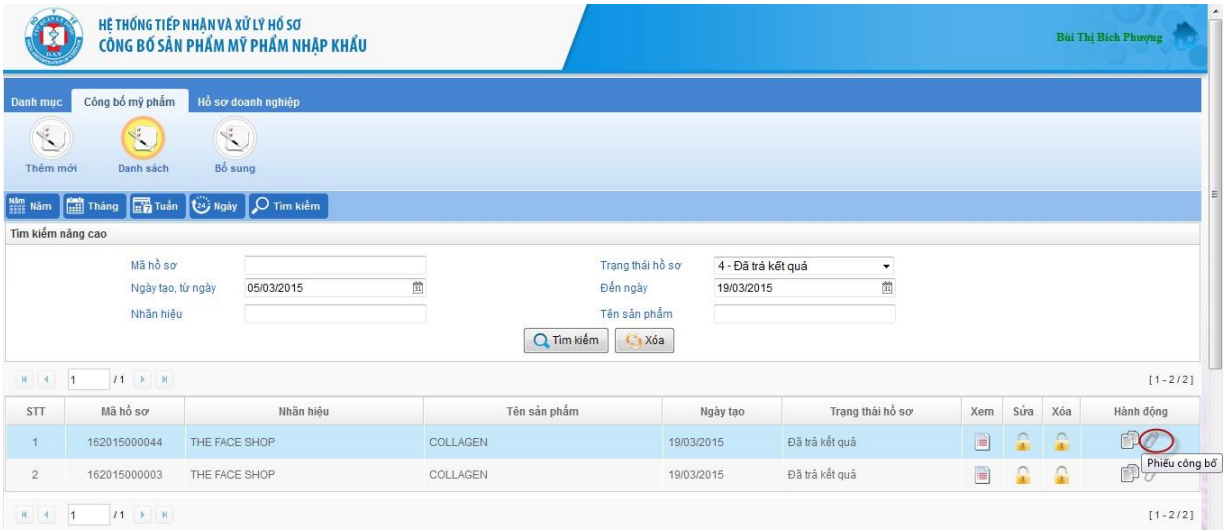


- **4 단계: “허가 보기-Xem giấy phép”**를 클릭한다 → 등록허가 다운로드 팝업창이 나타난다 → OK 를 클릭한다.

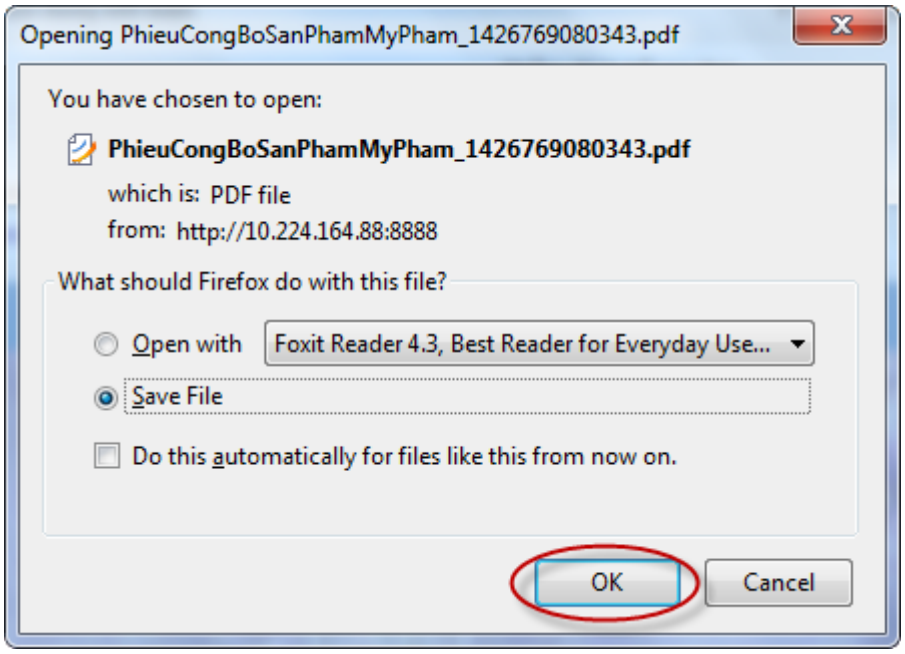


방법 2:

- **1 단계: 서류목록** 화면에서 **"심사결과 통보됨-Đã trả kết quả"**을 선택하여 서류를 검색한다 → **등록 허가** 버튼(적색으로 표시된 버튼)을 클릭한다.



➔ 등록 허가 다운로드 팝업창이 나타난다 → OK 를 클릭한다.



6.2. 서류처리과정 조회 기능

이 기능을 통하여 기업 또는 심사관은 서류가 어느 부서에서 처리되어 있는지 조회할 수 있는 기능이다.

예: 기업의 경우

- **1 단계:** 기업의 **세부정보 보기** 화면에서 을 클릭한다 → **서류처리과정조회** 화면이 나타난다.



STT	Người gửi	Đơn vị gửi	Thời gian	Người nhận	Đơn vị nhận	Nhiệm vụ	Trạng thái	Ghi chú
1	qld_vt	Phòng Văn thư	19:55 19/03/2015	555		Xử lý chính	Đã tiếp nhận	gửi phiếu báo thu về cho doanh nghiệp
2	555		19:58 19/03/2015	QLD_kt	Phòng Kế toán	Xử lý chính	Đã thanh toán	Thanh toán phí gửi kế toán
3	qld_kt	Phòng Kế toán	19:59 19/03/2015	Lãnh đạo phòng	Phòng nghiệp vụ	Phối hợp	Đã xác nhận thanh toán	Xác nhận phí
4	qld_ldp	Phòng nghiệp vụ	20:39 19/03/2015	qld_cv	Phòng nghiệp vụ	Xử lý chính	Đã phân công	Phân công chuyên viên thẩm định hồ sơ
5	qld_cv	Phòng nghiệp vụ	20:43 19/03/2015	Lãnh đạo phòng	Phòng nghiệp vụ	Xử lý chính	Chuyên viên thẩm định đạt	Đạt yêu cầu
6	qld_ldp	Phòng nghiệp vụ	20:45 19/03/2015	Trần Thùy Linh	Phòng Văn thư	Phối hợp	Đã phê duyệt hồ sơ	Phê duyệt hồ sơ
7	qld_linhtt	Phòng Văn thư	20:46 19/03/2015	555		Xử lý chính	Đã trả kết quả	Đóng dấu hồ sơ